CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

PHILIPS Chiếu sáng dân dụng

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
1		Bóng Master Led Tuýp 1m2 UO 13.5W 865/840/830 T8 (2500Lm)	338.000	10 bóng/thùng
2		Bóng Master Led Tuýp 1m2 HO 13W 865/840/830 T8	231.100	20 bóng/thùng
3		Bóng Master Led Tuýp 0m6 HO 8W 865/840/830 T8	193.100	10 bóng/thùng
4		Bóng CorePro Led Tuýp HO 1m2 18W 865/840 (vỏ thuỷ tinh)	133.100	10 bóng/thùng
5		Bóng CorePro Led Tuýp 1m2 15.5W 865/840 (vỏ thuỷ tinh)	112.900	10 bóng/thùng
6		Bóng CorePro Led Tuýp 0m6 8W 865/840 (vỏ thuỷ tinh)	92.100	10 bóng/thùng
7		Bóng COR LEDtube UniFit 0m6 10W 865/840 T8 (dùng 01 đầu và 02 đầu)	92.100	25 cái/thùng
8		Bóng COR LEDtube UniFit 1m2 15.5W 865/840 T8 (dùng 01 đầu và 02 đầu)	112.900	25 cái/thùng
9		Bóng COR LEDtube UniFit HO 1m2 18W 865/840 T8(dùng 01 đầu và 02 đầu)	133.100	25 cái/thùng
10		Bóng COR CNG LEDtube 1200mm 16W 865/840 T8 I	76.100	25 bóng/thùng
11		Bóng COR CNG LEDtube HO 1200mm 18W 865/840 T8 I	93.300	25 bóng/thùng
12		Bóng Led Tuýp DE 1m2 18W 765/740 T8 (2 đầu, 1800Lm)	139.000	20 bóng/thùng
13		Bóng Led Tuýp DE 0m6 9W 765/740 T8 (2 đầu, 900Lm)	114.000	20 bóng/thùng
14		Bóng Led Tuýp DE HO 1m2 22W 765/740 T8 (2 đầu)	175.000	10 bóng/thùng
15		Bóng Led Tuýp DE HO 0m6 10W 765 T8 (2 đầu)	121.000	10 bóng/thùng
16		Bóng Led Tuýp DE HO+ 1m2 25W 865/840 T8 G13 C G	175.000	10 cái/thùng
17		Bóng Led Tuýp HO+ 1m2 25W 865/840 T8 AP C G	201.000	10 cái/thùng
18		Bóng Led Tuýp HO 1200mm 22W 865/840 T8 AP I G	192.000	10 cái/thùng
19	**Led Tuýp T8**	Bóng Led Tuýp HO 0m6 10W 765 T8	140.000	10 bóng/thùng
20		Bóng CorePro Led Tuýp T5 1m2 16W 865/840/830 G5 I APR	229.300	20 bóng/thùng
21	**Led Tuýp T5**	Bóng CorePro Led Tuýp T5 0m6 8W 865/840/830 G5 I APR	178.200	20 bóng/thùng
22		Led Panel CertaFlux BL 600x600 865/840 42W 220-240V	379.000	06 cái/thùng
23		Led Panel CertaFlux BL 600x600 865/840 44/48W 220-240V	409.500	06 cái/thùng
24		Led Panel CertaFlux BL 300x1200 865/840 42W 220-240V	440.300	06 cái/thùng
25	**Led Panel**	Led Panel CertaFlux BL 300x1200 865/840 44/48W 220-240V	460.300	06 cái/thùng
26		Bóng Led Bulb 4W E27 3000/6500K 230V APR	65.000	12 bóng/thùng
27		Bóng Led Bulb 6W E27 3000/6500K 230V APR	75.000	12 bóng/thùng
28		Bóng Led Bulb 8W E27 3000/6500K 230V APR	87.000	12 bóng/thùng
29		Bóng Led Bulb 10W E27 3000/6500K 230V APR	110.000	12 bóng/thùng
30	**Led Bulb Mycare**	Bóng Led Bulb 12W E27 3000/6500K 230V APR	135.000	12 bóng/thùng
31		Bóng ESS Led Bulb 3W E27 3000/6500K 230V P45	42.000	12 cái/thùng
32		Bóng ESS Led Bulb 5W E27 3000/6500K 230V	49.000	12 cái/thùng
33		Bóng ESS Led Bulb 7W E27 3000/6500K 230V	55.000	12 cái/thùng
34		Bóng ESS Led Bulb 9W E27 3000/6500K 230V	65.000	12 cái/thùng
35		Bóng ESS Led Bulb 11W E27 3000/6500K 230V	83.000	12 cái/thùng
36	**Led Bulb Essential**	Bóng ESS Led Bulb 13W E27 3000/6500K 230V	108.000	12 cái/thùng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

PHILIPS
Chiếu sáng dân dụng

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
37	 Bóng Trụ	Bóng Led Trụ TForce Ess HB MV 2.5Klm 25W E27 865	135.000	06 bóng/thùng
38		Bóng Led Trụ TForce Ess HB MV 3.5Klm 35W E27 865	200.000	06 bóng/thùng
39		Bóng Led Trụ TForce Ess HB MV 4.5Klm 45W E27 865	269.000	06 bóng/thùng
40		Bóng Led Trụ TForce Ess HB MV 5.5Klm 50W E27 865	322.000	06 cái/thùng
41	 Led Bulb LedBright	Bóng LedBright 9W E27 3000/6500K 230V	96.000	12 bóng/thùng
42		Bóng LedBright 11W E27 3000/6500K 230V	125.000	12 bóng/thùng
43		Bóng LedBright 13W E27 3000/6500K 230V	143.000	12 bóng/thùng
44		Bóng LedBright 15W E27 3000/6500K 230V	173.000	12 bóng/thùng
45		Bóng LedBright 17W E27 3000/6500K 230V	185.000	12 bóng/thùng
46	 Led Stick	Bóng Led DLStick 7.5W 3000/6500K E27 220V	141.000	12 bóng/thùng
47		Bóng Led DLStick 11W 3000/6500K E27 220V	185.000	12 bóng/thùng
48	 Led Bulb Dim	LEDBulb 8W E27 DS FR DIM 1CT/6 ID	160.600	12 bóng/thùng
49		LEDBulb 13W E27 DS FR DIM 1CT/6 ID	225.500	12 bóng/thùng
50		Bóng Master Led Bulb 3.4-40W 927 E27 A60 CL Dim	141.600	10 bóng/thùng
51	  Bóng MR16	Bóng Ess Led 5-50W 2700K 12V MR16 24D	113.000	10 bóng/thùng
52		Bóng Master Led 5.5-50W 2700/3000/4000K 12V MR16 24/36D	165.800	10 bóng/thùng
53		Bóng Master Led 6.5-50W 927/930/940 12V MR16 24/36D ND	266.200	10 bóng/thùng
54		Bóng Master Led 6.5-50W 927/930/940 12V MR16 10/24/36/60D Dim	316.000	10 bóng/thùng
55		Bóng Master Led 7.5-50W+ 827/830/840 12V MR16 24/36D Dim	359.400	10 bóng/thùng
56		Bóng Master Led ExpertColor 6.7-50W 927/930/940 12V MR16 10/24/36/60D Dim	416.400	10 bóng/thùng
57	 LED nến	Bóng Led nến 4-25W E14 2700K B38 CL DIM	125.900	10 bóng/thùng
58		Bóng Led nến 6-40W E14 2700K B38 CL DIM	149.500	10 bóng/thùng
59	 Led GU10	Bóng ESS LED GU10 4.7W 2700/4000K	69.000	10 cái/thùng
60		Bóng Master Led 4.9-50W 927/930/940 GU10 220V 36D Dim	108.200	10 bóng/thùng
61	  Led PAR	Bóng MasterLED PAR30L 20W 3000/4000K 15/30D SO	587.000	06 bóng/thùng
62		Bóng MasterLED PAR30L 32W 3000/4000/5700K 15/30D SO	733.800	06 bóng/thùng
63		Bóng MAS LEDspot D 6-50W E27 827 PAR20 25D	301.840	06 bóng/thùng
64		Bóng MAS LEDspot CLA D 9.5-75W 827 PAR30S 25D	816.970	06 bóng/thùng
65		Bóng đèn MAS LEDspot D 13-100W 927 PAR38 25D	724.000	06 bóng/thùng

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
66		Led dây CertaFlux LedFlex 5m 300lm/m 927/930/940/965 G2	349.100	01 Cái/Hộp
67		Led dây CertaFlux LedFlex 5m 800lm/m 927/930/940/965 G2	368.300	01 Cái/Hộp
68		Led dây CertaFlux LedFlex 5m 1200lm/m 927/930/940/965 G2	465.000	01 Cái/Hộp
69		Led dây CertaFlux LedFlex 5m 1500lm/m 927/930/940/965 G2	549.900	01 Cái/Hộp
70		Led dây CertaFlux LedFlex 5m 2000lm/m 927/930/940/965 G2	607.500	01 Cái/Hộp
71		Led dây CertaFlux LEDFlex 10m 300lm/m 927/930/940/965 C5 G2	664.900	01 cái/hộp
72		Led dây CertaFlux LEDFlex 10m 800lm/m 927/930/940/965 C5 G2	701.300	01 cái/hộp
73		Led dây CertaFlux LEDFlex 10m 1200lm/m 927/930/940/965 C5 G2	885.600	01 cái/hộp
74		Led dây CertaFlux LEDFlex 10m 1500lm/m 927/930/940/965 C5 G2	1.047.400	01 cái/hộp
75		Led dây CertaFlux LEDFlex 10m 2000lm/m 927/930/940/965 C5 G2	1.157.300	01 cái/hộp
76		Đầu nối LS tape-to-wire IP20	949.000	50 Cái/Hộp
77		Dây nguồn LS tape-to-tape IP20	1.392.000	50 Cái/Hộp
78		Led dây DLI320 5M 6W/M 2700/4000K 24V	455.000	40 cái/thùng
79		Led dây DLI320 5M 8W/M 2700/4000K 24V	585.000	40 cái/thùng
80		Led dây DLI320 5M 12W/M 2700/4000K 24V	650.000	40 cái/thùng
81		Led dây LS161 COB LED8 8.5W 930/940 5M 24V	731.000	40 cái/thùng
82		Led dây LS161 COB 12W 930/940 5M 24V	631.000	40 cái/thùng
83		Led dây LS161 COB LED12 13W 930/940 5M 24V	813.000	40 cái/thùng
84		Cáp nối 30924 LED	12.870	01 Cái/Hộp
85		Hộp nối 30925 LED	8.800	01 Cái/Hộp
86		Led dây HLS168 50M 9W/M 830/840/865 GM	3.808.000	01 cái/thùng
87		Led dây HLS168 50M 10W/M 120D 830/840/865 GM	3.998.000	01 cái/thùng
88		Led dây HLS188 COB 50M 10W/M 830/840/865 GM	4.768.000	01 cái/thùng
89		Nguồn Led dây HLS S-Row Acc Kit GM (sử dụng cho HLS168 60Led)	189.200	20 cái/thùng
90		Nguồn Led dây HLS 120D S-Row Acc Kit GM (HLS 120Led)	199.000	20 cái/thùng
91		Nguồn Led dây HLS188 COB Acc Kit GM	199.000	20 cái/thùng
92		Nguồn Led dây CertaDrive Led 30W 24VDC	201.800	20 cái/thùng
93		Nguồn Led dây CertaDrive Led 60W 24VDC	264.400	20 cái/thùng
94		Nguồn Led dây CertaDrive Led 120W 24VDC	458.800	20 cái/thùng
95		Nguồn Led dây CertaDrive Led 180W 24VDC	716.600	20 cái/thùng
96		Nguồn Led dây CertaDrive Led 250W 24VDC	926.100	20 cái/thùng
97		Nguồn Led dây Economic 30W 24VDC	212.400	50 cái/thùng
98		Nguồn Led dây Economic 60W 24VDC	278.200	20 cái/thùng
99		Nguồn Led dây Economic 120W 24VDC	483.000	20 cái/thùng
100		Nguồn Led dây Economic 180W 24VDC	754.200	12 cái/thùng
101		Nguồn Led dây Economic 250W 24VDC	855.500	12 cái/thùng
102		Nguồn Led dây Dim 75W 24VDC	1.007.500	20 cái/thùng
103	**Led dây + Nguồn**	Nguồn Led dây Dim 150W 24VDC	1.467.900	10 cái/thùng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
104		Downlight DL260 RD 075 7w 965/940 WH R GM	289.000	12 cái/thùng
105		Downlight DL260 RD D90 11W 965/940 WH GM	392.000	12 cái/thùng
106		Downlight SL260 RD 075 7.5W 36D 930/940 WH R GM	316.000	30 cái/thùng
107		Downlight RS280 G2 RC Rd D75 7W 30/40K 24D GM	351.000	12 cái/thùng
108		Downlight RS280 G2 RC Rd D75 11W 30/40K 24D GM	421.000	12 cái/thùng
109		Downlight chiếu điểm POMERON 59775 5W 2700/4000K Φ70 WH	274.000	12 cái/thùng
110		Downlight chiếu điểm POMERON 59776 7W 2700/4000K Φ70 WH	283.000	12 cái/thùng
111		Downlight chiếu điểm SL190 RD 070 MB 5.5W 27/40K WH GM	143.000	24 cái/thùng
112		Downlight chiếu điểm SL190 RD 090 MB 9W 27/40/65K WH GM	161.000	24 cái/thùng
113		Downlight RS216 RC Rd D55 5W 30K/40K 24D R_WH KR	349.100	24 cái/thùng
114		Downlight RS216 RC Rd D55 9W 30K/40K 24D R_WH KR	418.900	24 cái/thùng
115		Downlight RS350 G2 RC Rd D55 7W 30K/40K 36D 1H KR	484.500	12 cái/thùng
116	**Downlight chiếu điểm**	Downlight RS350 G2 RC Rd D55 11W 30K/40K 36D 1H KR	556.400	12 cái/thùng
117		Downlight Led DN027B 9W 65/40K D90 (9W Φ90)	300.000	24 cái/thùng
118		Downlight Led DN027B G3 LED6 CW/NW/WW D90 (6W Φ90)	292.000	24 cái/thùng
119		Downlight Led DN027B G3 LED6 CW/NW/WW D100 (6W Φ100)	293.000	24 cái/thùng
120		Downlight Led DN027B G3 LED9 CW/NW/WW D125 (9W Φ125)	361.000	24 cái/thùng
121		Downlight Led DN027B G3 LED12 CW/NW/WW D150 (12W Φ150)	453.000	24 cái/thùng
122		Downlight Led DN027B G3 LED15 CW/NW/WW D175 (15W Φ175)	557.000	24 cái/thùng
123		Downlight Led DN027B G3 LED20 CW/NW/WW D200 (19W Φ200)	669.000	24 cái/thùng
124		Downlight Led Vuông DN027B G3 LED9 CW/NW/WW L125 (9W L125)	365.000	24 cái/thùng
125		Downlight Led Vuông DN027B G3 LED12 CW/NW/WW L150 (12W L150)	474.000	24 cái/thùng
126		Downlight gắn nổi DN027C G3 LED9 CW/NW/WW D150 (9W Φ150)	514.000	24 cái/thùng
127		Downlight gắn nổi DN027C G3 LED12 CW/NW/WW D175 (12W Φ175)	640.000	24 cái/thùng
128		Downlight gắn nổi DN027C G3 LED15 CW/NW/WW D200 (15W Φ200)	766.000	24 cái/thùng
129	**Downlight DN027**	Downlight gắn nổi DN027C G3 LED20 CW/NW/WW D225 (19W Φ225)	873.000	24 cái/thùng
130		Downlight đổi màu MESON SSW 080 5W WH recessed	231.000	12 cái/thùng
131		Downlight đổi màu MESON SSW 105 9W WH recessed	297.000	12 cái/thùng
132		Downlight đổi màu MESON SSW 125 13W WH recessed	342.000	12 cái/thùng
133	**MESON Đổi màu**	Downlight đổi màu MESON SSW 150 17W WH recessed	386.000	24 cái/thùng
134		Downlight Led Meson IO 59447 5.5W 6500K Φ90	162.800	12 cái/thùng
135		Downlight Led Meson IO 59445 7W 3000/4000/6500K Φ90	192.000	12 cái/thùng
136		Downlight Led Meson IO 59449 9W 3000/4000/6500K Φ105	280.000	12 cái/thùng
137	**Downlight MESON IO**	Downlight Led Meson IO 59464 13W 3000/4000/6500K Φ125	323.000	12 cái/thùng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
138		Downlight Led chóa sâu Meson 7W D90 4000/6500K	146.000	12 cái/thùng
139		Downlight Led chóa sâu Meson 9W D100 4000/6500K	188.000	12 cái/thùng
140		Downlight Led chóa sâu Meson 13W D125 4000/6500K	209.000	12 cái/thùng
141		Downlight Led chóa sâu Meson 17W D150 4000/6500K	240.000	12 cái/thùng
142		Downlight Led chóa sâu Meson 21W D175 4000/6500K	282.000	12 cái/thùng
143	**Downlight Meson chóa sâu**	Downlight Led chóa sâu Meson 24W D200 4000/6500K	335.000	12 cái/thùng
144		Downlight Led chóa sâu 3 chế độ Meson 7W D90	167.000	12 cái/thùng
145		Downlight Led chóa sâu 3 chế độ Meson 9W D100	209.000	12 cái/thùng
146		Downlight Led chóa sâu 3 chế độ Meson 13W D125	240.000	12 cái/thùng
147	**Downlight Meson chóa sâu đổi màu**	Downlight Led chóa sâu 3 chế độ Meson 17W D150	272.000	12 cái/thùng
148		Downlight Led DL262 EC RD 100 6W 3000/4000/6500K	231.000	20 cái/thùng
149		Downlight Led DL262 EC RD 125 9W 3000/4000/6500K	310.000	20 cái/thùng
150	**Downligh Siêu mỏng**	Downlight Led DL262 EC RD 150 12W 3000/4000/6500K	353.000	20 cái/thùng
151		Downlight Led Eridani DL190B Slim D100 7W 865/840 GM	131.000	50 cái/thùng
152		Downlight Led Eridani DL190B Slim D125 10W 865/840 GM	183.000	30 cái/thùng
153	**Downligh Eridani Siêu mỏng**	Downlight Led Eridani DL190B Slim D150 14W 865/840 GM	222.000	30 cái/thùng
154		Downlight Led Eridani DL190B LED7 D90 9W 865/840 WH SNI	136.000	50 Cái/Hộp
155		Downlight Led Eridani DL190B LED6 D100 7W 865/840 WH SNI	112.000	50 Cái/Hộp
156		Downlight Led Eridani DL190B LED8 D125 10W 865/840 WH SNI	157.000	30 Cái/Hộp
157		Downlight Led Eridani DL190B LED11 D150 14W 865/840 WH SNI	193.000	30 Cái/Hộp
158		Downlight Led Eridani DL190B LED18 D200 23W 865/840 WH SNI	299.000	30 Cái/Hộp
159		Downlight gắn nổi Eridani Led12 D150 17W 840/865	321.000	12 cái/thùng
160		Downlight gắn nổi Eridani Led18 D200 22W 840/865	430.000	12 cái/thùng
161		Downlight gắn nổi Eridani RD Surface LED9 D150 12W 865/840	207.000	12 cái/thùng
162		Downlight gắn nổi Eridani RD Surface LED15 D200 18W 865/840	290.000	12 cái/thùng
163		Downlight gắn nổi Eridani RD Surface LED22 D300 24W 865/840	458.000	06 cái/thùng
164		Downlight gắn nổi vuông Eridani SQ Surface LED9 D150 12W 865/840	207.000	12 cái/thùng
165		Downlight gắn nổi vuông Eridani SQ Surface LED15 D200 18W 865/840	290.000	12 cái/thùng
166	**Downlight Eridani**	Downlight gắn nổi vuông Eridani SQ Surface LED22 D300 24W 865/840	458.000	06 cái/thùng
167		Downlight Led 3 chế độ Eridani 9W D90	160.000	50 cái/thùng
168		Downlight Led 3 chế độ Eridani 9W D100	160.000	50 cái/thùng
169		Downlight Led 3 chế độ Eridani 12W D125	186.000	50 cái/thùng
170	**Downligh Eridani đổi màu**	Downlight Led 3 chế độ Eridani 15W D150	228.000	50 cái/thùng

KIMQUANG Electrical equipment

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG

ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

PHILIPS EyeComfort
Chiếu sáng dân dụng

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
171		Đèn ốp trần CL610 AIO 36W 27-40-65K sparkle HV RC 02	1.635.000	10 cái/thùng
172		Đèn ốp trần LED CL200 EC RD 10W 6500K W HV 02	451.000	12 cái/thùng
173		Đèn ốp trần LED CL200 EC RD 17W 6500K W HV 02	739.000	10 cái/thùng
174		Đèn ốp trần LED CL200 EC RD 20W 6500K W HV 02	1.045.000	8 cái/thùng
175		Đèn ốp trần LED CL254 EC RD 12W 6500K W HV 02	729.000	10 cái/thùng
176		Đèn ốp trần LED CL254 EC RD 17W 6500K W HV 02	972.000	10 cái/thùng
177	**Ốp trần Led**	Đèn ốp trần LED CL254 EC RD 20W 6500K W HV 02	1.228.000	8 cái/thùng
178		LED Pha BVP150 10W Led10 30/40/65K SWB G3 GM	254.880	36 cái/thùng
179		LED Pha BVP150 20W Led20 30/40/65K SWB G3 GM	394.200	36 cái/thùng
180		LED Pha BVP150 50W Led50 30/40/65K SWB G3 GM	829.440	24 cái/thùng
181		LED Pha BVP150 70W Led70 65K SWB G3 GM	1.237.680	12 cái/thùng
182		LED Pha BVP150 100W Led100 65K SWB G3 GM	1.815.480	12 cái/thùng
183	**Đèn pha Led**	LED Pha BVP150 150W Led150 65K SWB G3 GM	2.693.520	06 cái/thùng
184		LEDClassic 4-40W A60 E27 830/865 CL ND APR	40.000	06 cái/thùng
185		LEDClassic 4-40W ST64 E27 830 CL ND APR	53.200	06 cái/thùng
186		LEDClassic 6-60W A60 E27 830/865 CL ND APR	61.500	06 cái/thùng
187	**Led Fila**	LEDClassic 6-60W ST64 E27 830 CL ND APR	69.700	06 cái/thùng
188		Máng LED T5 1,2m 13W BN068C LED12 3000/4000/6500K 220V	290.520	24 cái/thùng
189		Máng LED T5 0.9m 10.6W BN068C LED9 3000/4000/6500K 220V	245.160	24 cái/thùng
190		Máng LED T5 0.6m 7W BN068C LED6 3000/4000/6500K 220V	197.640	24 cái/thùng
191		Máng LED T5 0.3m 3.6W BN068C LED3 3000/4000/6500K 220V	154.440	24 cái/thùng
192		ZCH086 C-2 (cấp nguồn)	35.640	20 cái/thùng
193	**Bộ Led T5**	ZCH086 CCPA (dây nối, 260mm)	44.280	20 cái/thùng
194		Đèn bán nguyệt StarBright Wide Nxt 20W CDL	274.000	20 cái/thùng
195	**Bán nguyệt**	Đèn bán nguyệt StarBright Wide Nxt 40W CDL	384.000	20 cái/thùng
196		Bóng huỳnh quang 1m2 - TLD36w/54	31.240	25 bóng/thùng
197		Bóng huỳnh quang 0m6 - TLD18w/54	27.500	25 bóng/thùng
198	**Bóng Huỳnh Quang T8**	Bóng huỳnh quang siêu sáng 1m2 - TLD36w/830/840/865	46.400	25 bóng/thùng
199		Bóng huỳnh quang siêu sáng 0m6 - TLD18w/830/840/865	39.300	25 bóng/thùng
200		Bóng huỳnh quang T5 1m2 -TL5 28w/830/840/865	42.800	40 bóng/thùng
201	**Bóng HQ T5**	Bóng huỳnh quang T5 0m6 -TL5 14w/830/840/865	40.400	40 bóng/thùng
202		Bóng compact Ess 23w (3U)- CFL 23w CDL/WW	77.330	12 bóng/thùng
203		Bóng compact Ess 18w (3U)- CFL 18w CDL/WW	74.470	12 bóng/thùng
204	**Bóng Compact Essential**	Bóng compact Ess 8w (2U)- CFL 8w WW	46.310	12 bóng/thùng
205		Bóng compact Genie 14w (3U)- CFL 14w-3U CDL/WW	65.670	12 bóng/thùng
206	**Bóng Compact Genie**	Bóng compact Genie 11w (3U)- CFL 11w-3U CDL/WW	61.820	12 bóng/thùng



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
207		Ballast điện tử EB-C 136 TLD 220-240V EP	65.400	50 cái/thùng
208		Ballast điện tử EB-Ci 1-2 36W / 1-4 18W 220-240v 50/60Hz	133.100	30 cái/thùng
209	**Ballast điện tử**	Ballast điện tử EB-Ci 1-2 14-28W 220-240v 50/60 Hz	133.100	30 cái/thùng
210		Bóng cao áp Metal halide bầu (trong) MH 70W/640 E27	199.600	12 cái/thùng
211		Bóng cao áp Metal halide bầu (trong) MH 100W/640 E27	281.600	24 cái/thùng
212		Bóng cao áp Metal halide bầu (trong) MH 150W/640 E27	324.400	24 cái/thùng
213		Bóng Cao áp Metal Halide MH 1000W U E40	769.900	06 cái/thùng
214		Bóng Cao áp Metal Halide MH 1500W U E40	1.079.900	06 cái/thùng
215		Bóng cao áp Metal halide thẳng ; HPI-T 250W 645 E40	361.200	12 cái/thùng
216		Bóng cao áp Metal halide thẳng ; HPI-T 400W 645 E40	415.800	12 cái/thùng
217	**Bóng Metal**	Bóng cao áp Metal halide thẳng ; HPI-T 1000W 643 E40	3.131.600	04 cái/thùng
218		Bóng cao áp Sodium thẳng 70W ; SON-T 70W/E27	131.900	12 cái/thùng
219		Bóng cao áp Sodium thẳng 100W ; SON-T 100W/E40	155.700	12 cái/thùng
220		Bóng cao áp Sodium thẳng 150W ; SON-T 150W/E40	173.500	12 cái/thùng
221		Bóng cao áp Sodium thẳng 250W ; SON-T 250W/E40	190.100	12 cái/thùng
222		Bóng cao áp Sodium thẳng 400W ; SON-T 400W/E40	207.900	12 cái/thùng
223	**Bóng Sodium**	Bóng cao áp Sodium thẳng 1000W ; SON-T 1000W/E40	917.200	04 cái/thùng
224		Ballast điện từ đèn SON 150W ; BSN 150 L300	647.500	06 cái/thùng
225		Ballast điện từ đèn SON 250W ; BSN 250 L300	736.600	06 cái/thùng
226		Ballast điện từ đèn SON 400W ; BSN 400 L300	1.305.700	06 cái/thùng
227		Ballast điện từ đèn SON 1000W ; BSN 1000 L302	2.510.300	01 cái/thùng
228		Ballast điện từ đèn SON 150W ; BSNE 150 L300 (Dây nhôm)	440.800	06 cái/thùng
229		Ballast điện từ đèn SON 250W ; BSNE 250 L300 (Dây Nhôm)	515.600	06 cái/thùng
230	**Tăng Phô SON**	Ballast điện từ đèn SON 400W ; BSNE 400 L300 (Dây Nhôm)	708.100	06 cái/thùng
231		Ballast điện từ đèn Metal 1000W ; BHL 1000 L202	2.282.200	01 cái/thùng
232		Ballast điện từ đèn Metal 1000W ; CWA 1000W	2.005.000	01 cái/thùng
233		Ballast điện từ đèn Metal 250W ; BHLE 250 L200 (Dây Nhôm)	431.300	06 cái/thùng
234	**Tăng Phô Metal**	Ballast điện từ đèn Metal 400W ; BHLE 400 L200 (Dây Nhôm)	477.600	06 cái/thùng
235		Kích cho đèn SON (từ 50 đến 70W) ; SN 57	90.300	48 cái/thùng
236		Kích cho đèn SON (từ 100 đến 400W) ; SN 58	85.600	48 cái/thùng
237		Kích cho đèn SON (từ 1000W) ; SN 56	217.500	48 cái/thùng
238	**Kích**	Kích cho đèn Metal (từ 250 đến 400W) ; SI 51	64.200	48 cái/thùng
239		Tụ điện 18uF ; CP18CP28	64.200	132cái/thùng
240		Tụ điện 25uF ; CP 25BU28	88.000	90 cái/thùng
241		Tụ điện 32uF ; CP32CT28	99.800	72 cái/thùng
242	**Tụ**	Tụ điện 50uF ; CA50FT28	166.400	42 cái/thùng

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN KIM QUANG
ĐC: 41 đường số 1 - KDC Lý Chiêu Hoàng - P. An Lạc - TP. HCM
ĐT: 0909 635 266 – 0938 118 428 – Hotline: 0931 455 668
Website: www.kimquang.vn – Email: info@kimquang.vn

BẢNG GIÁ ĐÈN PHILIPS DÂN DỤNG

Công ty Thiết Bị Điện Kim Quang kính gửi Quý Khách hàng bảng giá đèn LED Philips dân dụng áp dụng từ 01-09-2026

STT	NHÓM HÀNG	TÊN SẢN PHẨM	ĐƠN GIÁ (Đại lý)	ĐÓNG GÓI
243		Biến thế điện tử ET-E 10 LED	75.300	48 cái/thùng
244	**Biến thế điện tử**	Biến thế điện tử ET-E 60 220-240	83.200	48 cái/thùng
245		Bóng TUV 36W T8	344.600	25 cái/thùng
246		Bóng TUV 30W T8	278.410	25 cái/thùng
247		Bóng TUV 18W T8	248.300	26 cái/thùng
248		Bóng TUV 15W T8	226.160	25 cái/thùng
249	**Bóng TUV**	Bóng TUV 4W	104.390	25 cái/thùng
250		Đèn bàn Einstein Eco DSK605 RD 14W 40K WH GM	2.099.000	01 cái/thùng
251		Đèn bàn Ivory DSK203 PT 5W 27-50K W USB 02	1.299.000	01 cái/thùng
252		Đèn bàn Forys Clip DSK206 5W 40K W USB	839.000	01 cái/thùng
253		Đèn bàn DSK601 RD 13W 40K W WV 02	2.577.000	01 cái/thùng
254		Đèn bàn Tilpa DSK212 PT 5W 50K W USB 02	640.000	01 cái/thùng
255	**Đèn Bàn**	Đèn bàn DSK214 PT 8W 40K W USB 02	1.390.000	01 cái/thùng
256	**Đèn báo không**	Đèn báo không XGP500 	4.070.000	01 cái/thùng
257		Philips CertaFlux SLM C 927/930/940 1202 L06 1313 G2 HD	39.930	10 cái/thùng
258		Philips CertaFlux SLM C 927/930/940/850 1203 L09 1515 G2	60.400	10 cái/thùng
259		Philips CertaFlux SLM C 927/930/940/850 1205 L12 1818 G2	94.200	10 cái/thùng
260	1208	Philips CertaFlux SLM C 927/930/940/850 1208 L14 1818 G2	132.000	10 cái/thùng
261		Philips CertaDrive 4W 0.1A 40V LPF I 230V	72.300	20 cái/thùng
262		Philips CertaDrive 6W 0.15A 40V LPF I 230V	73.300	20 cái/thùng
263		Philips CertaDrive 8W 0.2A 40V LPF I 230V	74.100	20 cái/thùng
264		Philips CertaDrive 10W 0.25A 40V LPF I 230V	75.300	20 cái/thùng
265	1205	Philips CertaDrive 12W 0.3A 40V LPF I 230V	76.100	20 cái/thùng
266		Philips CertaDrive 14W 0.35A 40V I 230V	119.200	20 cái/thùng
267		Philips CertaDrive 16W 0.4A 40V LPF I 230V	108.200	20 cái/thùng
268		Philips CertaDrive 20W 0.5A 40V I 230V	119.200	20 cái/thùng
269		Philips CertaDrive 25W/m 0.6A 42V 230V	124.500	20 cái/thùng
270		Philips CertaDrive 30W/m 0.7A 42V 230V	125.200	20 cái/thùng
271		Philips CertaDrive 42W 1.05A 42V I 230V	103.300	20 cái/thùng
272		Philips CertaDrive 44W 1.05A 42V I 230V	132.400	20 cái/thùng
273		Philips CertaDrive 48W 1.2A 40V 230V I	115.100	20 cái/thùng
274		Philips Xitanium 100W 2.1-4.2A AOC 230V I160	816.300	20 cái/thùng
275	**Phụ kiện đèn LED Philips Chip Led + Driver**	Philips Xitanium 150W 2.45-4.9A AOC 230V I175	839.700	20 cái/thùng
276		Philips Xitanium 200W 2.8-5.6A AOC 230V I200	989.800	20 cái/thùng

* Đơn giá trên đã bao gồm VAT / Bảng giá áp dụng cho Đại lý lấy chẵn thùng

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng



Danh Mục Sản Phẩm
Đèn LED Philips 2026

Giải pháp chiếu sáng lý tưởng cho mọi
không gian trong ngôi nhà hiện đại

Công ty TNHH Signify Việt Nam

Phòng 1A, Tầng 08, AB Tower, Số 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh

www.signify.com/vi-vn | Philips Lighting Vietnam | Signify (Philips Lighting) | 1800.4807



MỤC LỤC

Giới thiệu

09 Bóng đèn LED Bulb



Essential Bulb	11
TrueForce Essential	12
MyCare Bulb	13
MyCare Stick	14
MyCare LEDBright	15

17 Đèn LED Âm Trần



Meson UltraBright	20
Eridani tròn	22
Eridani đổi màu	23
Meson IO	24
Meson đổi màu	25
Meson Comfort chóa sâu	26
Meson Comfort đổi màu	27
DL260 chóa sâu	28
DN027B tròn	29
DN027B vuông	30
Eridani siêu mỏng	31
DL262 Max siêu mỏng	32
Eridani lắp nổi	33
Meson lắp nổi	34
DN027C lắp nổi	35

37 Đèn LED Chiếu Điểm



SL260 chiếu điểm chóa sâu	38
RS280 thay đổi góc chiếu	39
Pomeron (5977x series)	40
SL190, GU10 Essential	41
RS216, RS350	42

43 LED Ốp Trần



CL200	44
CL254	45
CL610 ALL IN ONE, DL212	46

47 Đèn LED Tuýp & Bán Nguyệt



LED Tuýp Ecofit/Ecofit HO	48
LED Tuýp DE	49
StarBright bán nguyệt	50

51 LED Dây



DLI 320	55
LS 161 COB	56
HLS 168	57
HLS 188 COB	58

59 Đèn Bàn



Đèn Bàn Einstein Eco	60
Đèn Bàn Ivory	61
Đèn Bàn Forys	62



Signify là tập đoàn dẫn đầu thế giới trong ngành chiếu sáng

#1
Chiếu sáng đèn truyền thống, LED và kết nối

Hơn **171 triệu**
Điểm sáng kết nối

5,8 tỉ
Euro - doanh thu vào năm 2025

#9 năm liên tiếp
Xếp hạng dẫn đầu phát triển bền vững (DJSI)

"Mục đích của chúng tôi là khai phá tiềm năng phi thường của ánh sáng vì cuộc sống tươi sáng và một thế giới tốt đẹp hơn"

1891
Tập đoàn Philips được thành lập và lần đầu tiên thương mại hóa sản phẩm bóng đèn trên quy mô lớn

1992
Thành lập tại thị trường Việt Nam với tên gọi Công ty TNHH Điện Tử Philips Việt Nam

2008
Tập đoàn Philips lần đầu tiên thương mại hóa giải pháp tiết kiệm điện LED

2012
Giới thiệu giải pháp chiếu sáng kết nối Philips CityTouch và Philips Hue

2016
Tập đoàn chiếu sáng Philips Lighting tách ra khỏi tập đoàn Philips và niêm yết độc lập trên thị trường chứng khoán Amsterdam

Chương trình phát triển bền vững Brighter Lives, Better World được khởi động

TẬP ĐOÀN SIGNIFY TỰ HÀO GIỚI THIỆU NHỮNG THƯƠNG HIỆU CHIẾU SÁNG TỐT NHẤT THẾ GIỚI

PHILIPS



Thương hiệu toàn cầu về sản phẩm chiếu sáng chuyên dụng và dân dụng.

ECOLINK



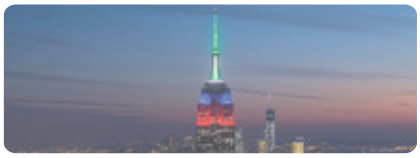
Thương hiệu mạnh mẽ và đáng tin cậy cho người tiêu dùng.

PHILIPS hue



Hệ thống chiếu sáng nhà ở thông minh.

COLORKINETICS



Thương hiệu toàn cầu cho các hệ thống chiếu sáng kiến trúc sống động.

signify Dynalite



Giải pháp chiếu sáng trong các lĩnh vực bán lẻ, khách sạn, văn phòng, công nghiệp và khu dân cư.

signify interact



Nền tảng IoT và hệ thống chiếu sáng kết nối.

2018

Tập đoàn Philips Lighting chính thức đổi tên thành Signify
Giới thiệu nền tảng chiếu sáng IoT Interact và LiFi

2019

Tiếp nhận các thương hiệu mới WiZ, Klite, iLOX, Once Inc.

2020

Signify chính thức đạt mức trung hòa carbon
Tiếp nhận Cooper Lighting Solutions củng cố vị trí tại thị trường Bắc Mỹ

2025

9 năm liên tiếp nằm trong bảng xếp hạng Chỉ số phát triển bền vững Dow Jones toàn cầu (DJSI)

5 năm liên tiếp đạt giải Rồng Vàng- phát triển bền vững do tạp chí VnEconomy ghi nhận

4 năm liên tiếp sản phẩm đạt Top hiệu suất năng lượng do Bộ Công Thương công bố



Bóng đèn LED Philips bảo vệ mắt
Ánh sáng có độ sáng dễ chịu cho mắt

Vì sao nên chọn Philips LED EyeComfort?

Ánh sáng kém chất lượng gây cảm giác khó chịu cho đôi mắt. Đèn LED Philips giúp thắp sáng mọi không gian với ánh sáng dịu nhẹ mà không chói, không nhấp nháy với khả năng tiết kiệm điện vượt trội.

EyeComfort*

Sáng êm dịu, *bảo vệ mắt.*

- An toàn quang sinh học
- Chỉ số hoàn màu cao
- Không bị chói
- Không nhấp nháy
- Không nhoè ảnh
- Điều chỉnh nhiệt độ màu
- Điều chỉnh độ sáng
- Không tiếng ồn

86%
Khách hàng tin tưởng rằng
Ánh sáng tốt có lợi cho sức khỏe đôi mắt của bạn.

77%
Khách hàng
Tin rằng ánh sáng tốt trong nhà có thể nâng cao năng suất làm việc hàng ngày.

Dựa theo nhu cầu chăm sóc sức khỏe của từng cá nhân

66.6%
Trong số họ không chăm sóc mắt/ không đi khám mắt định kỳ

66%
F N O
G E C X D
U Q K L Y E P

Hơn 50% số người dành ra nhiều hơn

8 Giờ mỗi ngày (58%)
Dưới ánh đèn

"Việc lựa chọn ánh sáng phù hợp là vô cùng quan trọng"

"Ánh sáng không chỉ để nhìn, mà còn là yếu tố quyết định chất lượng cuộc sống của bạn. Một không gian ánh sáng không phù hợp dễ khiến mắt nhanh mệt mỏi, gây đau đầu và làm gián đoạn giấc ngủ quý giá. Hãy để ánh sáng chăm sóc sức khỏe của bạn tốt hơn."

"Andrew Stockman, Giáo sư tại Viện Nhãn khoa thuộc Đại học Hoàng gia Luân Đôn (UCL)"

https://philipslighting.vn



Hãy tìm hiểu các thông tin trên bao bì của bóng đèn LED Philips!



1. Ký hiệu/Chỉ số đui đèn
2. Thông số quang thông/Độ sáng của đèn
3. Thời hạn bảo hành
4. Công suất tiêu thụ điện (Watt - W)
5. Bảng so sánh mức tiêu thụ năng lượng với đèn chữ U (CFL) và đèn sợi đốt
6. Nhiệt độ màu của ánh sáng
7. Hình ảnh sản phẩm
8. Các tính năng đặc biệt

Khám phá giải pháp chiếu sáng LED Philips đa dạng cho mọi không gian sống.

Với sự đa dạng về kiểu dáng và kích thước, đèn LED Philips mang đến giải pháp chiếu sáng phù hợp cho mọi không gian sống. Thiết kế thông minh giúp quá trình chuyển đổi sang công nghệ LED trở nên nhanh chóng và thuận tiện, tương thích với nhiều loại đui đèn phổ biến. Không chỉ giúp tối ưu hiệu quả sử dụng năng lượng, sản phẩm còn mang đến nguồn sáng chất lượng cao, góp phần tạo nên không gian sống tiện nghi và hiện đại.

Bóng đèn LED Bulb



Đèn Bàn



Đèn LED âm trần



Đa dạng về kích thước và độ sáng cho bạn lựa chọn

Đèn LED chiếu điểm



Đèn LED dây



Đa dạng tùy chọn chiều dài đáp ứng mọi nhu cầu



https://philipslighting.vn

Cẩm nang chiếu sáng

Chọn đèn theo quang thông hay công suất?

- Quang thông (lumen hay lm): Lượng ánh sáng phát ra từ nguồn sáng. Cùng công suất tiêu thụ, nên chọn đèn quang thông (độ sáng) cao hơn.
- Công suất (watt hay W): Điện năng tiêu thụ, không phải công suất phát sáng của bóng đèn. Cùng quang thông, nên chọn đèn có công suất thấp hơn.
- Hiệu suất ánh sáng (lumen/watt): Là thước đo khả năng chuyển đổi năng lượng (điện năng) thành ánh sáng khả kiến của một nguồn sáng.
Nói cách khác đèn có quang thông cao và công suất thấp chính là đèn có hiệu suất phát quang (lm/W) cao nhất, là sản phẩm hiệu suất cao, tiết kiệm điện đúng nghĩa.
Philips luôn đi đầu trong nghiên cứu và phát triển để đưa ra những giải pháp, công nghệ tiết kiệm điện mới nhất, hiệu suất cao nhất.

Tuổi thọ của đèn

- Tuổi thọ phải được tính trên **tuổi thọ của cả bộ đèn** chứ không phải tuổi thọ của một bộ phận nào bền nhất. Một số sản phẩm chỉ công bố tuổi thọ của chip LED (lên tới 30.000–50.000 giờ) trong khi một số bộ phận có tuổi thọ ít hơn và sớm hỏng sẽ làm cả bộ đèn không còn sáng nữa.
- Đèn LED Philips công bố tuổi thọ theo mức tối thiểu là L70, tức là đèn vẫn giữ được ít nhất **độ sáng 70% ở thời điểm kết thúc** tuổi thọ đã được công bố. Một số sản phẩm công bố tuổi thọ của chip LED (30.000–50.000 giờ), là lúc đèn LED không thể phát sáng, nhưng độ sáng của đèn có thể đã bị suy giảm nghiêm trọng sau thời gian ngắn sử dụng (1–2 năm).

Nhiệt độ màu

- Nhiệt độ màu là cách diễn tả "sắc thái" của ánh sáng do bóng đèn phát ra. Nó cho biết ánh sáng có xu hướng ấm (vàng), trung tính (trắng tự nhiên) hay mát (trắng xanh).
- Độ Kelvin (K) là đơn vị đo nhiệt độ màu, với khoảng giá trị từ 1.000K đến 10.000K.



Chất lượng ánh sáng

- Nguồn sáng có chất lượng ánh sáng phù hợp đảm bảo sức khỏe đôi mắt, duy trì cảm xúc tích cực và hiệu suất làm việc của người sử dụng. Tuy nhiên, yếu tố này chưa được chú ý đúng mức mà nhiều người tiêu dùng nghĩ đèn càng sáng chói, công suất cao là tốt nhất.
- Chất lượng ánh sáng thể hiện qua sơ bộ các thông số & tính chất sau:
+ Hệ số hoàn màu (CRI) cao thể hiện quang màu sắc của vật thể được thể hiện trung thực, gần nhất với ánh sáng tự nhiên.
+ Độ chói (glare): bộ đèn cần thiết kế để giảm tác động trực tiếp của ánh sáng lên mắt.
+ Hệ số công suất (PF) là chỉ số đánh giá hiệu quả sử dụng điện năng của thiết bị. PF có giá trị từ 0 đến 1; chỉ số càng gần 1 cho thấy thiết bị hoạt động càng hiệu quả, giảm hao phí điện năng và tối ưu khả năng tiết kiệm điện.

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Bóng đèn LED Bulb



Các dòng bóng đèn LED Bulb là giải pháp chiếu sáng đã được người tiêu dùng trên khắp thế giới tin tưởng lựa chọn.
Philips mang đến chất lượng LED đã qua kiểm chứng, tiết kiệm năng lượng, độ bền cao và đặc biệt là dịu nhẹ cho mắt. Bóng đèn LED Bulb cũng sở hữu đầy đủ các tùy chọn về công suất (watt) và độ sáng (lumen) để đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng trong ngôi nhà của bạn.

https://philipslighting.vn





Hãy chọn các dòng bóng đèn LED Bulb Philips khác nhau phù hợp với nhu cầu của bạn

Dòng sản phẩm	EyeComfort*	Hiệu suất phát quang*	Tuổi thọ	CRI	Đuôi đèn	Ưu điểm
Essential Bulb	✗	~100	12.000 - 15.000 giờ	80	E27	Tiết kiệm và kinh tế hơn
TrueForce Essential	✗	~100	15.000 giờ	80	E27	Phiên bản quang thông cao mang tính kinh tế hơn
MyCare Bulb	✓	~100	25.000 giờ	90	E27	Công nghệ quang học xen kẽ, Giảm chói đến 40%
MyCare Stick	✓	~110	15.000 giờ	80	E27	Kiểu dáng thon gọn, phù hợp với các chóa đèn có không gian hẹp
MyCare LEDBright	✓	~110	15.000 giờ	80	E27	Thiết kế quang học hiện đại, giúp phân bổ ánh sáng rộng hơn

***Hiệu suất phát quang (lumen/watt) càng cao, càng tiết kiệm năng lượng.**



Essential Bulb

Giải pháp tiết kiệm điện năng và kinh tế.



Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm đến 88% điện năng
So với bóng đèn dây tóc

Quang thông (lumen) cao hơn
Công suất thấp hơn

Chất lượng sáng cao
Với chi phí hợp lý

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 12,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
ESS LEDBulb 3W E27 230V P45 PH	P45	250	3000/6500	3	12	42,000
ESS LEDBulb 5W E27 230V 1CT/12 APR	A60	500/540	3000/6500	5	12	49,000
ESS LEDBulb 7W E27 230V 1CT/12 APR	A60	680/720	3000/6500	7	12	55,000
ESS LEDBulb 9W E27 230V 1CT/12 APR	A60	900/950	3000/6500	9	12	65,000
ESS LEDBulb 11W E27 230V 1CT/12 APR	A60	1150/1250	3000/6500	11	12	83,000
ESS LEDBulb 13W E27 230V 1CT/12 APR	A60	1350/1450	3000/6500	13	12	108,000

** Tuổi thọ 15,000H đối với bóng 3W*



TrueForce Essential

Sáng hơn và tiết kiệm điện hơn.

Thiết kế **quang học đan xen** giúp tối ưu độ sáng phần lõi

Thiết kế dạng chữ T (T-Bulb) cho **góc mở sáng rộng hơn**



Ưu điểm nổi bật

Bóng LED độ sáng cao
Thay thế bóng compact công suất cao
Phù hợp cho nhu cầu chiếu sáng tại các khu vực rộng lớn

Chất liệu nhựa cao cấp
Hạn chế vỡ và chống côn trùng xâm nhập

Tiết kiệm đến 60% điện năng so với bóng compact
và 30% so với bóng LED khác

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
TForce ESS LED HB MV 2.5Klm 25W 865 E27	T80	2500	6500	25	6	**135,000**
TForce ESS LED HB MV 3.5Klm 35W 865 E27	T100	3500	6500	35	6	**200,000**
TForce ESS LED HB MV 4.5Klm 45W 865 E27	T120	4500	6500	45	6	**269,000**
TForce ESS LED HB MV 5.5Klm 50W 865 E27 MỚI	T140	5500	6500	50	6	**322,000**



MyCare Bulb

Ánh sáng chất lượng cho đôi mắt khỏe.



Ưu điểm nổi bật

- **Êm dịu cho mắt** nhờ **công nghệ Tán Quang Xen Kẽ** giúp ánh sáng phân bổ đồng đều hơn
- **An toàn quang sinh học**
  Theo tiêu chuẩn IEC 62471:2006
- **Không phát ra âm thanh khó chịu**
  So với các sản phẩm cùng loại
- **Hiệu suất phát sáng cao với chỉ số hoàn màu CRI 90,**
  hiển thị màu sắc trung thực như nguyên bản

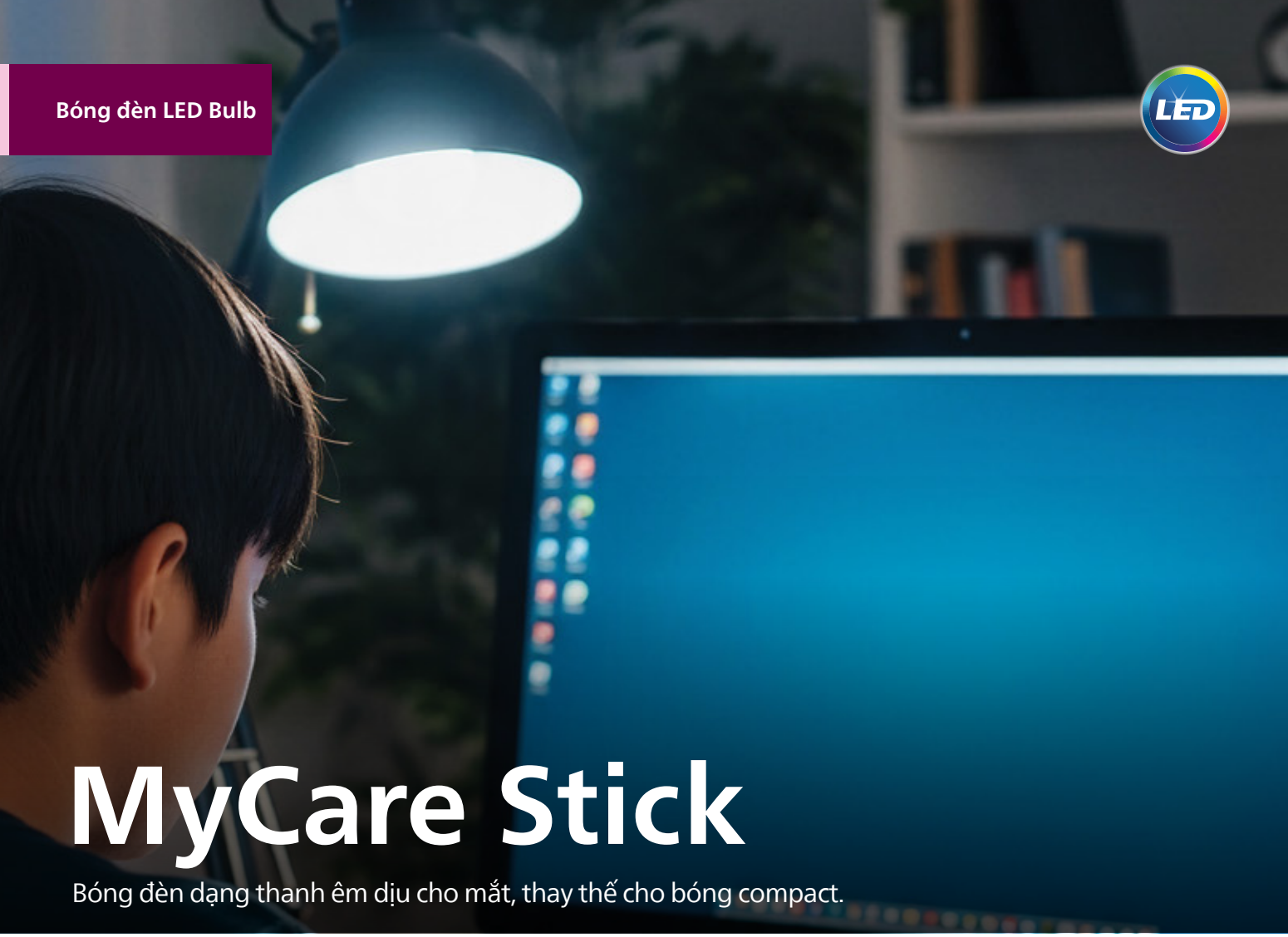
Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 25,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
LED Bulb 4W E27 1CT/12 9 APR	A60	460	3000/6500	4	12	65,000
LED Bulb 6W E27 1CT/12 9 APR	A60	700	3000/6500	6	12	75,000
LED Bulb 8W E27 1CT/12 9 APR	A60	910	3000/6500	8	12	87,000
LED Bulb 10W E27 1CT/12 9 APR	A60	1150	3000/6500	10	12	110,000
LED Bulb 12W E27 1CT/12 9 APR	A60	1360	3000/6500	12	12	135,000



MyCare Stick

Bóng đèn dạng thanh êm dịu cho mắt, thay thế cho bóng compact.



Ưu điểm nổi bật

- **Kích thước nhỏ gọn** tiện thay thế cho bóng compact trong các bộ đèn âm trần nhỏ
- **Chất lượng sáng cao, êm dịu cho mắt**
  Đạt chuẩn IEC 62471 về an toàn quang sinh học
- **Ánh sáng phân bổ rộng** nhờ thiết kế tấm tán quang đặc biệt tạo hiệu ứng ánh sáng tương tự bóng compact

Ứng dụng

- Nhà ở
- Cửa hàng
- Văn phòng
- Khách sạn

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
DLStick 7.5W E27	37 x 114	750/806	3000/6500	7.5	12	141,000
DLStick 11W E27	45 x 135	1250/1400	3000/6500	11	12	185,000



MyCare LEDBright

Sáng hơn 20% và êm dịu cho mắt.



Ưu điểm nổi bật

Tiết kiệm đến 85% điện năng
So với bóng đèn dây tóc

Quang thông (lumen) cao hơn
Công suất thấp hơn

Thiết kế nhỏ gọn
Dễ dàng thay thế bóng compact truyền thống

Ứng dụng

Nhà ở

Cửa hàng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
LED Bright 9W E27 1CT/12 APR	T50	850/900	3000/6500	9	12	**96,000**
LED Bright 11W E27 1CT/12 APR	T60	1200/1300	3000/6500	11	12	**125,000**
LED Bright 13W E27 1CT/12 APR	T60	1500/1600	3000/6500	13	12	**143,000**
LED Bright 15W E27 1CT/12 APR	T70	1800/2000	3000/6500	15	12	**173,000**
LED Bright 17W E27 1CT/12 APR	T70	2250/2350	3000/6500	17	12	**185,000**


PHILIPS

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Đèn LED Âm Trần

Đèn LED âm trần mang đến nguồn sáng dịu mắt, phân bổ đồng đều khắp không gian, giúp tạo cảm giác thoải mái và dễ chịu. Với thiết kế hiện đại, tinh tế, sản phẩm không chỉ đáp ứng nhu cầu chiếu sáng mà còn góp phần tôn lên vẻ đẹp nội thất. Đây là lựa chọn lý tưởng cho nhiều khu vực như phòng khách, phòng ngủ, phòng học, phòng tắm, hành lang và nhà bếp.



https://philipslighting.vn



Đèn LED Âm Trần

Dễ dàng lựa chọn đèn LED âm trần phù hợp với phong cách và nhu cầu của bạn.

Dòng sản phẩm	EyeComfort*	Tuổi thọ	Kiểu dáng	Hiệu suất phát quang*	Lumen / Độ quang thông (lm)	Công nghệ chống lóa	Nhiệt độ màu	CRI
Meson UltraBright MỚI	✓	30.000 giờ	Hình tròn	~100	690 - 3020	**Công nghệ quang học đan xen,** giảm chói đến 25%	4000K, 6500K	80
Meson Comfort đổi màu MỚI	✓	30.000 giờ	Hình tròn	~70	470 - 1250	**Góc chắn sáng,** giảm chói đến 50%	Tích hợp 3 màu ánh sáng	90
Meson Comfort MỚI	✓	30.000 giờ	Hình tròn	~73	470 - 1850	**Góc chắn sáng,** giảm chói đến 50%	4000K, 6500K	90
Meson đổi màu	✓	25.000 giờ	Hình tròn	~80	380 - 1360	**Công nghệ quang học đan xen,** giảm chói đến 25%	Tích hợp 3 màu ánh sáng	80
Meson IO	✓	25.000 giờ	Hình tròn	~75	460-970	**Công nghệ quang học đan xen,** giảm chói đến 25%	3000K, 4000K, 6500K	80
Meson lắp nổi MỚI	✓	30.000 giờ	Lắp nổi	~75	1600-2500	**Công nghệ quang học đan xen,** giảm chói đến 25%	3000K, 4000K, 6500K	80
Eridani siêu mỏng MỚI	✓	20.000 giờ	Hình tròn siêu mỏng	~85	570-1250	✗	4000K, 6500K	80
DL262 Max siêu mỏng	✓	30.000 giờ	Hình tròn siêu mỏng	~85	720 & 960	✗	3000K, 4000K, 6500K	80
Eridani đổi màu MỚI	✓	15.000 giờ	Hình tròn	~85	720 - 1300	✗	Tích hợp 3 màu ánh sáng	80
Eridani	✓	15.000 giờ	Hình tròn, Hình vuông	~80	550 - 1900	✗	4000K, 6500K	80
Eridani lắp nổi	✓	15.000 giờ	Lắp nổi	~80	960 - 2200	✗	4000K, 6500K	80
DL260	✓	25.000 giờ	Hình tròn	~75	500 & 900	✗	4000K, 6500K	90
DN027B & DN027C	✗	30.000 giờ	Hình tròn, lắp nổi	~100	900-2100	✗	3000K, 4000K, 6500K	80

***Hiệu suất phát quang (lumen/watt) càng cao, càng tiết kiệm năng lượng.**

Đèn LED Âm Trần

Đèn LED Âm Trần Meson UltraBright

Sáng hơn 40%

Ánh sáng siêu sáng, êm dịu cho mắt

Sáng hơn 40%
So với bóng đèn LED có cùng công suất Watt

Tuổi thọ cao lên đến 30,000 giờ

Phân bổ ánh sáng đồng đều

EyeComfort

Bảo hành 3 năm



Được thiết kế để chiếu sáng đồng đều cho căn phòng của bạn

Tuổi thọ lên đến 30.000 giờ, giúp giảm thiểu tần suất thay thế và mang lại sự an tâm trong suốt quá trình sử dụng.



https://philipslighting.vn



Meson UltraBright

Được thiết kế để sáng hơn và bền bỉ hơn.

Mới! Sáng hơn 40%



Ưu điểm nổi bật

- **Sáng hơn 40%** so với đèn LED âm trần có cùng công suất
  Hiệu suất phát quang cao > 100 lm/W
- **Thiết kế công nghệ quang học xen kẽ**, giúp giảm chói đến 25%
- **Tiết kiệm năng lượng** với xếp hạng tiêu chuẩn 5 sao
  Tuổi thọ cao hơn lên đến 3 lần

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
Meson UltraBright D90 7W	105 x 35	90	690	4000/6500	7	12	192,000
Meson UltraBright D100 9W	115 x 35	100	980	4000/6500	9	12	280,000
Meson UltraBright D125 13W	140 x 35	125	1360	4000/6500	13	12	323,000
Meson UltraBright D150 17W	165 x 35	150	1900	4000/6500	17	12	388,000
Meson UltraBright D175 21W	190 x 35	175	2520	4000/6500	21	12	465,000
Meson UltraBright D200 24W	215 x 35	200	3020	4000/6500	24	12	512,000

Đèn LED Âm Trần

Đa dạng phiên bản Âm Trần Meson đáp ứng mọi nhu cầu của bạn!

Meson IO



- Tuổi thọ lên đến 25.000 giờ
- Giảm chói đến 25%

Meson lắp nổi MỚI



- Tuổi thọ lên đến 30.000 giờ
- Giảm chói đến 25%
- Thiết kế ốp nổi, phù hợp với mọi loại trần nhà

Meson đổi màu



- 3 chế độ màu
- Tuổi thọ lên đến 25.000 giờ
- Công nghệ quang học xen kẽ

Mới! Dòng sản phẩm Meson Comfort với thiết kế lòng sâu giúp giảm chói đến 50%

Công nghệ quang học xen kẽ





Meson Comfort MỚI



- Giảm chói đến 50%
- Tuổi thọ lên đến 30.000 giờ
- CRI90

Meson Comfort đổi màu MỚI



- 3 chế độ màu
- Tuổi thọ lên đến 30.000 giờ
- Giảm chói đến 50%
- CRI90

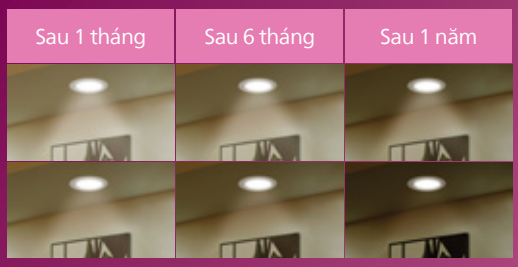
Dòng sản phẩm Đèn LED Meson sở hữu tính năng chống chói vượt trội so với các loại đèn LED âm trần thông thường.

Chất lượng đáng tin cậy

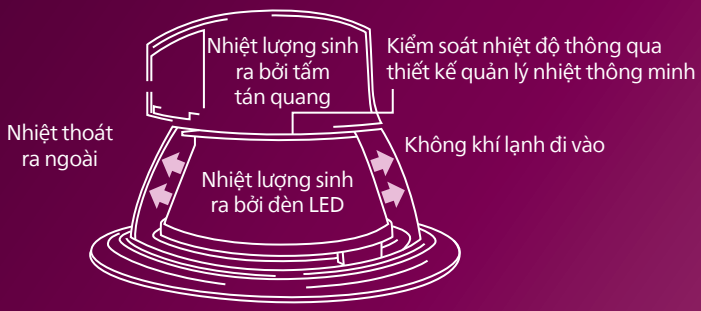
Tuổi thọ đèn lên đến 30.000 giờ

Mức độ sáng

Ánh sáng sáng hơn và bền bỉ hơn



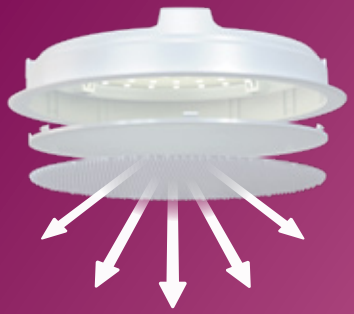
Giải pháp tản nhiệt của Philips



Philips đảm bảo rằng tất cả các bóng đèn đều có thể duy trì hoạt động bền bỉ trong suốt 25.000 giờ, đồng thời vẫn giữ được tối thiểu 70% độ sáng ban đầu trong suốt vòng đời sử dụng.

Thấu kính đan xen

Tấm quang học hai lớp kết hợp với họa tiết 3D in nổi giúp tối ưu khả năng tán xạ và khúc xạ ánh sáng, mang đến nguồn sáng đồng đều và dễ chịu cho mắt.





Công nghệ thấu kính đan xen của Philips phân bổ lại ánh sáng một cách thông minh, giúp giảm 40% độ chói trực tiếp tại khu vực chiếu sáng.



Eridani tròn

Đèn LED âm trần Eridani rất phù hợp cho mọi không gian và mang lại ánh sáng tỏa đều, dễ chịu hơn.



Ưu điểm nổi bật

Công nghệ EyeComfort
Sáng êm dịu, bảo vệ mắt

Ánh sáng đồng đều với độ sáng cao

Thiết kế nhỏ gọn dễ dàng lắp đặt



Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Eridani DL190B LED6 D100 7W WH SNI	115 x 30	100	550	4000/6500	7	50	**112,000**
Eridani DL190B LED7 D90 9W WH	105 x 35	90	750	4000/6500	9	50	**136,000**
Eridani DL190B LED8 D125 10W WH SNI	140 x 30	125	900	4000/6500	10	30	**157,000**
Eridani DL190B LED11 D150 14W WH SNI	165 x 35	150	1150	4000/6500	14	30	**193,000**
Eridani DL190B LED18 D200 23W WH SNI	225 x 35	200	1900	4000/6500	23	30	**299,000**



Eridani đổi màu

Tùy chọn 3 màu ánh sáng trong một chiếc đèn giúp tiết kiệm chi phí hơn.

Lựa chọn đèn LED âm trần đổi màu tiết kiệm chi phí hơn



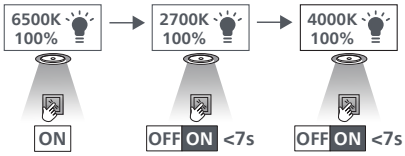
Ưu điểm nổi bật

- Giải pháp đèn LED âm trần đổi màu tiết kiệm chi phí hơn
- **Điều chỉnh các lựa chọn ánh sáng đơn giản chỉ với công tắc ON/OFF**
- Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Cơ chế hoạt động



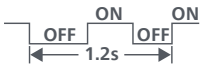
Bật - Tắt 1 lần < 7s

Chức năng ghi nhớ



Tắt - Bật 1 lần ≥ 7s

Reset



Tắt - Bật 2 lần 1.2s

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Eridani DL190B SSW LED7 D90 9W	105 x 35	90	750	3000/4300/6500	9	50	160,000
Eridani DL190B SSW LED7 D100 9W	115 x 35	100	720	3000/4300/6500	9	50	160,000
Eridani DL190B SSW LED10 D125 12W	140 x 35	125	1080	3000/4300/6500	12	30	186,000
Eridani DL190B SSW LED13 D150 15W	165 x 35	150	1300	3000/4300/6500	15	30	228,000



Meson IO

Đèn âm trần với ánh sáng dễ chịu cho mắt.



Ưu điểm nổi bật

- Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy
- **Được trang bị công nghệ thấu kính đan xen** giúp tạo ra ánh sáng tỏa đều và không gây chói
- Ngàm kẹp chắc chắn ở hai bên tai đèn âm trần
  Bộ nguồn được tích hợp sẵn với đầu nối



Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 25,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
59445 Meson 090 7W recessed IO	105 x 35	90	460/490	3000/4000/6500	7	12	192,000
59449 Meson 105 9W recessed IO	115 x 35	100	650/700	3000/4000/6500	9	12	280,000
59464 Meson 125 13W recessed IO	140 x 35	125	910/970	3000/4000/6500	13	12	323,000



Meson đổi màu

Được thiết kế để sáng hơn và bền lâu hơn.



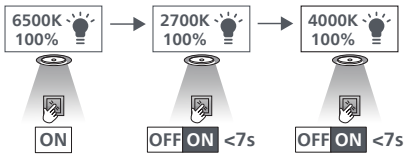
Ưu điểm nổi bật

- **Ánh sáng sáng đều mọi góc cạnh và không bị chói**
- **3 tùy chọn màu ánh sáng trong một chiếc đèn,** hiệu quả và tiết kiệm hơn
- Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Cơ chế hoạt động



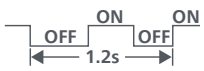
Bật - Tắt 1 lần < 7s

Chức năng ghi nhớ



Tắt - Bật 1 lần ≥ 7s

Reset



Tắt - Bật 2 lần 1.2s

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 25,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
MESON SSW 080 5W WH recessed	95 x 45.5	80	380	2700/4000/6500	5	12	231,000
MESON SSW 105 9W WH recessed	120 x 47	105	680	2700/4000/6500	9	12	297,000
MESON SSW 125 13W WH recessed	140 x 47	125	1030	2700/4000/6500	13	12	342,000
MESON SSW 150 17W WH recessed	165 x 47	150	1360	2700/4000/6500	17	12	386,000



Meson Comfort chóa sâu

Thiết kế mới với dạng lõm chống chói và khả năng hoàn màu chân thực cho không gian sống tiện nghi.

Giảm 50% độ chói



Ưu điểm nổi bật

- **Thiết kế dạng lõm với tính năng góc chắn sáng,** giảm độ chói lên đến 50%
- Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy
- **Tuổi thọ đèn bền gấp 2 lần,** lên đến 30.000 giờ chiếu sáng
- Hiệu suất phát sáng cao với chỉ số hoàn màu **CRI 90,** hiển thị màu sắc trung thực như nguyên bản

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 30,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Meson c Rc Rd 090 7W	105 x 40	90	470	4000/6500	7	12	146,000
Meson c Rc Rd 100 9W	115 x 40	100	640	4000/6500	9	12	188,000
Meson c Rc Rd 125 13W	140 x 45	125	950	4000/6500	13	12	209,000
Meson c Rc Rd 150 17W	165 x 45	150	1250	4000/6500	17	12	240,000
Meson c Rc Rd 175 21W	190 x 45	175	1500	4000/6500	21	12	282,000
Meson c Rc Rd 200 24W	215 x 45	200	1850	4000/6500	24	12	335,000



Meson Comfort đổi màu

Ba trải nghiệm ánh sáng linh hoạt, mang đến sự thoải mái và dịu nhẹ cho đôi mắt.

Mới! Ba chế độ ánh sáng trong một chiếc đèn.



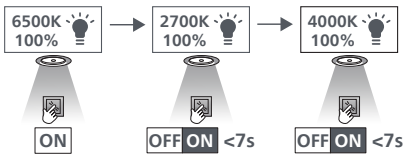
Ưu điểm nổi bật

- **Thiết kế dạng lõm với tính năng góc chắn sáng,** giảm độ chói lên đến 50%
- **3 tùy chọn màu ánh sáng trong một chiếc đèn,** hiệu quả và tiết kiệm hơn
- Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Cơ chế hoạt động



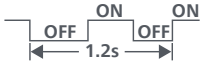
Bật - Tắt 1 lần < 7s

Chức năng ghi nhớ



Tắt - Bật 1 lần ≥ 7s

Reset



Tắt - Bật 2 lần 1.2s

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
Meson c Rc Rd SSW 090 7W	105 x 40	90	470	3000/4300/6500	7	12	167,000
Meson c Rc Rd SSW 100 9W	115 x 40	100	640	3000/4300/6500	9	12	209,000
Meson c Rc Rd SSW 125 13W	140 x 45	125	950	3000/4300/6500	13	12	240,000
Meson c Rc Rd SSW 150 17W	165 x 45	150	1250	3000/4300/6500	17	12	272,000



DL260 chóa sâu

Đèn âm trần thế hệ mới với thiết kế hiện đại, thân kim loại nguyên khối và khả năng giảm chói.

Phiên bản mới nhất

Tuổi thọ bền bỉ lên đến 25.000 giờ



Ưu điểm nổi bật

- **Công nghệ EyeComfort**
  Sáng êm dịu, bảo vệ mắt
- **Nguồn sáng ẩn với tính năng chống chói,** giúp tăng tính thẩm mỹ cho trần nhà.
- Hiệu năng bền bỉ và đáng tin cậy với **thiết kế bằng kim loại nguyên khối**
- Hiệu suất phát sáng cao với chỉ số hoàn màu **CRI 90**, hiển thị màu sắc trung thực như nguyên bản

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 25,000 H | CRI >90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
DL260 RD 075 7W WH R GM	85 x 45	75	500	4000/6500	7	12	289,000
DL260 RD D90 11W WH GM	100 x 48	90	900	4000/6500	11	12	392,000



DN027B tròn

Thiết kế kim loại hiện đại, kết cấu bền vững, hiệu suất năng lượng cao và chất lượng chiếu sáng vượt trội.



Ưu điểm nổi bật

- Đèn chất lượng cao với mức tiêu thụ năng lượng thấp
  Hiệu suất năng lượng PF 0.9
- Chất liệu chắc chắn hơn được làm từ kim loại
- Thiết kế tích hợp, cung cấp đầy đủ linh kiện để lắp đặt

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

PF 0.9 | IP20 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
DN027B 9W D90 RD VN 9W 220-240V D90 RD MỚI	115 x 40	90	900	4000/6500	9	24	300,000
DN027B G3 LED9 9W 220-240V D125 RD	150 x 42	125	950	4000/6500	9	24	361,000
DN027B G3 LED12 12W 220-240V D150 RD	175 x 45	150	1200/1300	3000/4000/6500	12	24	453,000
DN027B G3 LED15 15W 220-240V D175 RD	200 x 45	175	1500/1600	3000/4000/6500	15	24	557,000
DN027B G3 LED20 19W 220-240V D200 RD	225 x 45	200	2100	4000/6500	19	24	669,000

DN027B vuông

Thiết kế kim loại hiện đại, kết cấu bền vững, hiệu suất năng lượng cao và chất lượng chiếu sáng vượt trội.



Ưu điểm nổi bật

- Đèn chất lượng cao với mức tiêu thụ năng lượng thấp
  Hiệu suất năng lượng PF 0.9
- Chất liệu chắc chắn hơn được làm từ kim loại
- Thiết kế tích hợp, cung cấp đầy đủ linh kiện để lắp đặt

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

PF 0.9 | IP20 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
DN027B G3 LED9 9W 220-240V L125 SQ	150 x 42	125	950	4000/6500	9	24	365,000
DN027B G3 LED12 12W 220-240V L150 SQ	175 x 45	150	1300	4000/6500	12	24	474,000



Eridani siêu mỏng

Thiết kế siêu mỏng 23mm, lý tưởng cho trần thạch cao hiện đại.

MỚI! Mỏng hơn 30%



Ưu điểm nổi bật

Thiết kế mỏng hơn 30% so với các loại đèn LED âm trần thông thường
Phù hợp để lắp đặt cho các loại trần nhà thấp

Bảo vệ mắt với công nghệ **EyeComfort** giảm lóa, không nhấp nháy

Ánh sáng sáng đều, tỏa rộng



Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Khách sạn | Trường học



Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 20,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Eridani DL190B Slim D100 7W GM	128 x 23	100	570	4000/6500	7	50	**131,000**
Eridani DL190B Slim D125 10W GM	147 x 23	125	900	4000/6500	10	30	**183,000**
Eridani DL190B Slim D150 14W GM	170 x 23	150	1250	4000/6500	14	30	**222,000**



DL262 Max siêu mỏng

Thiết kế siêu mỏng với độ dày chỉ 18mm, tương thích với mọi loại trần thạch cao hiện đại.



Ưu điểm nổi bật

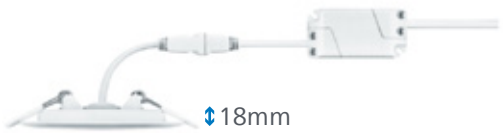
Độ dày chỉ 18mm
Thách thức mọi loại xương trần thạch cao với chiều dày sản phẩm chỉ 18mm

Bảo vệ mắt với công nghệ EyeComfort
giảm lóa, không nhấp nháy

Vật liệu chắc chắn & tản nhiệt kim loại
Bền bỉ cùng thời gian với vật liệu chất lượng cao

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Khách sạn | Trường học



Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
DL262 EC RD 125 9W	145 x 18	125	720	3000/4000/6500	9	20	**310,000**
DL262 EC RD 150 12W	170 x 18	150	960	3000/4000/6500	12	20	**353,000**



Eridani lắp nổi

Với thiết kế đa dạng, lắp đặt dễ dàng và ứng dụng linh hoạt cho mọi không gian sống.



Ưu điểm nổi bật

Công nghệ EyeComfort
Sáng êm dịu, bảo vệ mắt

Ánh sáng đồng đều với độ sáng cao

Thiết kế dạng lắp nổi, phù hợp cho các không gian không có trần thạch cao, phòng có trần thấp



Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Đèn ốp nổi Eridani hình tròn						
Eridani RD Surface LED9 D150 12W	174 x 34	960	4000/6500	12	12	**207,000**
Eridani RD Surface LED12 D150 17W	173 x 35	1275	4000/6500	17	12	**321,000**
Eridani RD Surface LED15 D200 18W	224 x 34	1550	4000/6500	18	12	**290,000**
Eridani RD Surface LED18 D200 22W	228 x 35	1800	4000/6500	22	12	**430,000**
Eridani RD Surface LED22 D300 24W	303 x 34	2200	4000/6500	24	6	**458,000**
Đèn ốp nổi Eridani hình vuông						
Eridani SQ Surface LED9 D150 12W	L 173 x 34	960	4000/6500	12	12	**207,000**
Eridani SQ Surface LED15 D200 18W	L 222 x 34	1550	4000/6500	18	12	**290,000**
Eridani SQ Surface LED22 D300 24W	L 302 x 34	2200	4000/6500	24	6	**458,000**

Meson lắp nổi

Thiết kế cao cấp thế hệ mới, tối ưu lắp đặt, độ bền cao và mang lại chất lượng ánh sáng vượt trội.

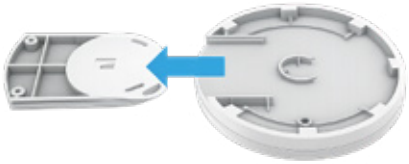


Ưu điểm nổi bật

Thiết kế không viền
Thẩm mỹ cao với độ sáng vượt trội

Độ sáng vượt trội
Ánh sáng mạnh và đồng đều

Dễ dàng lắp đặt
Lắp đặt nhanh nhờ cấu trúc trượt



Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng



Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Meson lắp nổi đơn màu						
Meson Trimless Surface Rd 150 16W	165 x 38	1600	4000/6500	16	12	401,000
Meson Trimless Surface Rd 200 24W	215 x 38	2500	4000/6500	24	12	573,000
Meson lắp nổi đổi màu						
Meson Trimless Surface Rd 150 16W SSW	165 x 38	1600	3000/4300/6500	16	12	482,000
Meson Trimless Surface Rd 200 24W SSW	215 x 38	2500	3000/4300/6500	24	12	687,000



DN027C lắp nổi

Phiên bản cao cấp với chất liệu kim loại chắc chắn và tuổi thọ bền bỉ.



Ưu điểm nổi bật

- Đèn chất lượng cao với mức tiêu thụ năng lượng thấp
- Chất liệu chắc chắn hơn được làm từ kim loại
- Thiết kế tích hợp, cung cấp đầy đủ linh kiện để lắp đặt

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 *mặt IP40 | 220-240 V | 30,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
DN027C G3 LED9 9W 220-240V D150	150 x 27	950	4000/6500	9	24	514,000
DN027C G3 LED12 12W 220-240V D175	175 x 27	1300	4000/6500	12	24	640,000
DN027C G3 LED15 15W 220-240V D200	200 x 27	1600	4000/6500	15	24	766,000
DN027C G3 LED20 19W 220-240V D225	225 x 27	2100	4000/6500	19	24	873,000


TEA BAGS
BREAD

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Đèn LED chiếu điểm



Đèn LED chiếu điểm được thiết kế để mang lại chất lượng ánh sáng vượt trội với thông số kỹ thuật được tối ưu và công nghệ chống chói tiên tiến. Kiểu dáng hiện đại, thanh lịch giúp sản phẩm trở thành lựa chọn lý tưởng cho nhiều không gian sống và thương mại, nơi hiệu suất và thẩm mỹ đều được đề cao.

https://philipslighting.vn



SL260 chiếu điểm chóa sâu

Đèn chiếu điểm chắc chắn với ánh sáng sáng rõ và dễ chịu cho mắt.



Ưu điểm nổi bật

- **Công nghệ EyeComfort**
  Sáng êm dịu, bảo vệ mắt
- **Nguồn sáng ẩn với tính năng chống chói,** giúp tăng tính thẩm mỹ cho trần nhà.
- Chất liệu đèn chắc chắn với thiết kế hoàn toàn bằng kim loại
- **Sử dụng bộ nguồn rời, dễ dàng thay thế**

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 25,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
SL260 RD 075 7.5W 36D WH R GM	85 x 45	75	490/510	3000/4000	7.5	30	316,000



RS280 thay đổi góc chiếu

Kết cấu chắc chắn, ánh sáng êm dịu chống chói, bền bỉ theo thời gian.



Ưu điểm nổi bật

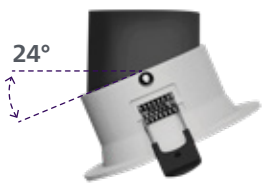
- **Thiết kế quang học đa lớp và công nghệ chiếu sáng êm dịu** mang lại ánh sáng dễ chịu với độ chói thấp
- Hiệu suất phát sáng cao với chỉ số hoàn màu **CRI 90**, hiển thị màu sắc trung thực như nguyên bản
- Phù hợp cho mọi không gian trong nhà với **tùy chọn góc chiếu 24 và 50 độ**

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng



Đầu đèn cố định với góc chiếu 50°

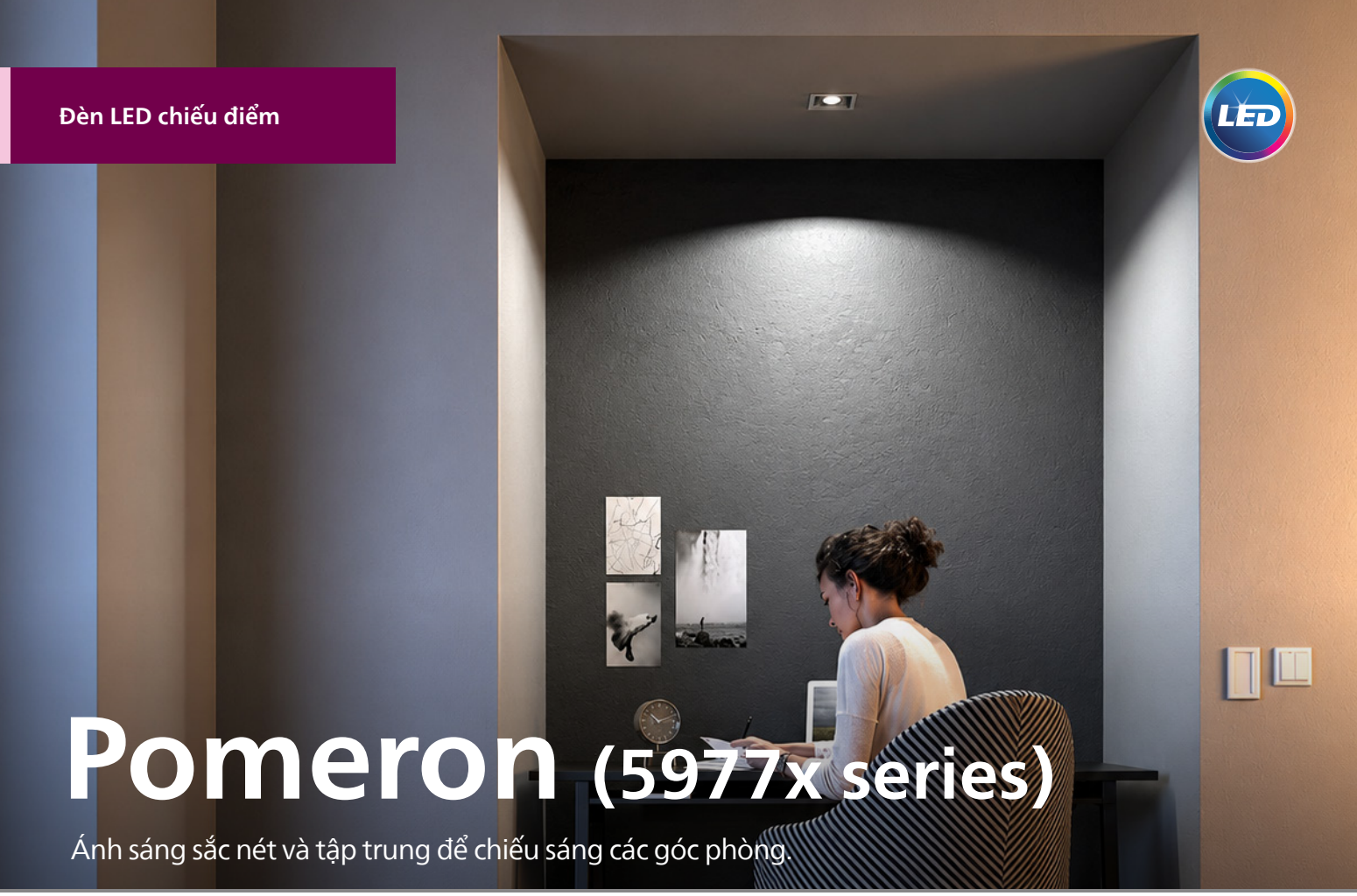


Đầu đèn có thể xoay 24°

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 25,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
RS280 G2 RC Rd D75 7W 24D GM	85 x 77	75	650/700	3000/4000	7	12	**351,000**
RS280 G2 RC Rd D75 11W 24D GM	85 x 77	75	950/1000	3000/4000	11	12	**421,000**



Pomeron (5977x series)

Ánh sáng sắc nét và tập trung để chiếu sáng các góc phòng.



Ưu điểm nổi bật

- Ánh sáng tập trung chiếu rọi không gian
- **Chất liệu đèn chắc chắn với thiết kế** hoàn toàn bằng kim loại
- Dễ dàng lắp đặt, Có thể xoay trên 2 trục

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
59775 POMERON 070 5W WH recessed LED	90 x 62	70	290/300	2700/4000	5	12	**274,000**
59776 POMERON 070 7W WH recessed LED	90 x 62	70	390/400	2700/4000	7	12	**283,000**



SL190 chiếu điểm

Tạo điểm nhấn ấn tượng với nguồn sáng tập trung, sắc nét và chính xác.

Thay đổi góc chiếu linh hoạt theo 1 trục



Ưu điểm nổi bật

- **Thiết kế nhỏ gọn và hiện đại,** phù hợp với nhiều phong cách trang trí nội thất.
- **Góc chiếu sáng 24 độ** giúp tạo điểm nhấn rõ ràng, lý tưởng cho việc chiếu sáng trang trí và làm nổi bật các vật thể.
- **Góc chiếu thay đổi linh hoạt theo 1 trục**

Ứng dụng

Nhà ở, Cửa hàng, Văn phòng, Khách sạn

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
SL190 RD 070 MB 5.5W WH GM	90 x 36	70	500/550	2700/4000	5	24	**143,000**
SL190 RD 090 MB 9W WH GM	105 x 39	90	850/950	2700/4000/6500	9	24	**161,000**

GU10 Essential

Ánh sáng tập trung chiếu rọi không gian



Ưu điểm nổi bật

- **Tiết kiệm đến 85% điện năng** So với bóng đèn dây tóc
- **Được thiết kế để chiếu sáng chung hoặc sử dụng như đèn chiếu điểm**
- **Sử dụng đui đèn GU10 và góc chiếu 36 độ**

Ứng dụng

Nhà ở, Cửa hàng, Văn phòng, Khách sạn

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
Essential LED 4.7-50W GU10 36D	PAR16	380/430	2700/4000	4.7	10	**69,000**



Đèn LED chiếu điểm

MỚI

Giải pháp đèn chiếu điểm cao cấp cho không gian nội thất hiện đại.

Ứng dụng

- Nhà ở
- Cửa hàng
- Văn phòng
- Khách sạn

Ưu điểm nổi bật

- **Hiệu ứng quang học vượt trội**
  giảm chói, mang lại trải nghiệm ánh sáng dễ chịu
- **Thiết kế viền mỏng và chất liệu kim loại sang trọng hợp với đa dạng xu hướng nội thất**
  Viền mỏng 6mm hài hòa với trần nhà
- **Hiệu suất phát quang cao với chỉ số hoàn màu CRI 90,**
  hiển thị màu sắc trung thực như nguyên bản
- **Phù hợp cho mọi không gian trong nhà với góc chiếu có thể tùy chỉnh linh hoạt**

RS216

Góc chiếu 24 độ, *chóa tán quang màu trắng, chất liệu viền nhựa và thân kim loại*



220-240 V | 25,000 H | CRI 90

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	
RS216 RC Rd D55 5W 24D R_WH KR	63 x 40.5	55 - 57	410/435	3000/4000	5	24	*Vui lòng liên hệ Signify Việt Nam để nhận báo giá*
RS216 RC Rd D75 9W 24D R_WH KR	85 x 50	75 - 78	765	3000/4000	9	24	

RS350

Góc chiếu 36 độ, *chóa tán quang màu đen kim loại với chất liệu hoàn toàn bằng kim loại*



220-240 V | 25,000 H | CRI 90

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Lỗ khoét (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	
RS350 G2 RC Rd D55 7W 36D 1H KR	63 x 67	55	540/580	3000/4000	7	12	*Vui lòng liên hệ Signify Việt Nam để nhận báo giá*
RS350 G2 RC Rd D75 11W 36D 1H KR	84 x 80	75	1000/1080	3000/4000	11	12	

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng



Đèn LED ốp trần

Đèn LED ốp trần mang đến ánh sáng đồng đều, êm dịu và dễ chịu cho mọi không gian. Với lớp tán quang cao cấp, đèn giúp giảm chói, tăng hiệu quả chiếu sáng và đảm bảo độ bền lâu dài theo thời gian.



https://philipslighting.vn



CL200

Phù hợp làm nguồn sáng chính cho phòng khách, phòng ngủ, hành lang và nhiều không gian sinh hoạt khác.



Thiết kế dạng tròn với bề mặt cong tinh tế

Ưu điểm nổi bật

- **Kiểu dáng hiện đại, bề mặt ngoài trơn láng**
- **Vật liệu chất lượng cao**
  Không hiện tượng ố vàng
- **Vận hành bền bỉ, hiệu suất cao**
  Tiết kiệm 80% điện năng so với đèn dây tóc
- **Vỏ nhựa tán quang cao cấp giúp chống chói mắt**
- **Thiết kế kín chống côn trùng xâm nhập**
  và dễ dàng vệ sinh

Ứng dụng

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 · 220-240 V · 15,000 H · CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
CL200 EC RD 10W 65K W HV 02	240 x 50	880	6500	10	12	451,000
CL200 EC RD 17W 65K W HV 02	320 x 50	1500	6500	17	10	739,000
CL200 EC RD 20W 65K W HV 02	380 x 50	1900	6500	20	8	1,045,000



CL254

Phù hợp để làm đèn chiếu sáng chính trong phòng khách, phòng ăn hoặc phòng ngủ.



Bề mặt phẳng với thiết kế viền tạo điểm nhấn trang trí

Ưu điểm nổi bật

- **Kiểu dáng hiện đại, bề mặt ngoài trơn láng**
- **Vật liệu chất lượng cao**
  Không hiện tượng ố vàng
- **Vận hành bền bỉ, hiệu suất cao**
  Tiết kiệm 80% điện năng so với đèn dây tóc
- **Vỏ nhựa tán quang cao cấp giúp chống chói mắt**
- **Thiết kế kín chống côn trùng xâm nhập**
  và dễ dàng vệ sinh

Ứng dụng

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

IP20 · 220-240 V · 20,000 H · CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
CL254 EC RD 12W HV 02	287 x 65	1100	6500	12	10	729,000
CL254 EC RD 17W HV 02	347 x 65	1500	6500	17	10	972,000
CL254 EC RD 20W HV 02	377 x 68	1900	6500	20	8	1,228,000

Đèn LED ốp trần

CL610 ALL IN ONE *(Có remote)*

Tấm tán quang chất lượng cao cho ánh sáng đồng đều.



Ưu điểm nổi bật

- **Thiết kế hiện đại, tối giản tinh tế**
- **3 chế độ ánh sáng tiện lợi,** Tiết kiệm điện năng vượt trội
- **Lắp đặt và sử dụng dễ dàng** phù hợp cho cả trần bê tông, thạch cao hay gỗ

Ứng dụng

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

IP20 · 220-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
CL610 AIO 36W 27-40-65K sparkle HV RC 02	385 x 76	3800	2700/4000/6500	36	10	1,635,000



DL212

Ánh sáng êm dịu, bảo vệ mắt.



Ưu điểm nổi bật

- **Sáng êm dịu cho mắt,** tản quang phân bố ánh sáng đồng đều
- **Vận hành bền bỉ, hiệu suất cao** Giảm chi phí thay thế và bảo trì
- **Lắp đặt đơn giản, gọn gàng**

Ứng dụng

Nhà ở · Cửa hàng · Văn phòng · Khách sạn · Trường học

IP20 · 220-240 V · 20,000 H · CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
DL212 EC RD 100 9W W HV 03	100 x 45	800	3000/4000/6500	9	24	318,000

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Đèn LED tuýp & Bán Nguyệt

Đèn LED tuýp và bán nguyệt thế hệ mới mang đến hiệu quả chiếu sáng vượt trội với tính năng chống chói, ánh sáng dễ chịu cùng thiết kế hiện đại, đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng trong nhiều không gian khác nhau.



https://philipslighting.vn



LED Tuýp Ecofit/Ecofit HO

Giải pháp thay thế hiệu quả cho đèn tuýp huỳnh quang truyền thống.



Ưu điểm nổi bật

Chất lượng sáng cao
Êm dịu cho mắt

Tiết kiệm điện đến 55%
So với bóng huỳnh quang thường

Lắp đặt an toàn cao
Đấu dây 1 đầu theo chuẩn quốc tế IEC

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng | Trường học | Khu công nghiệp

An toàn hơn với LED tuýp Philips



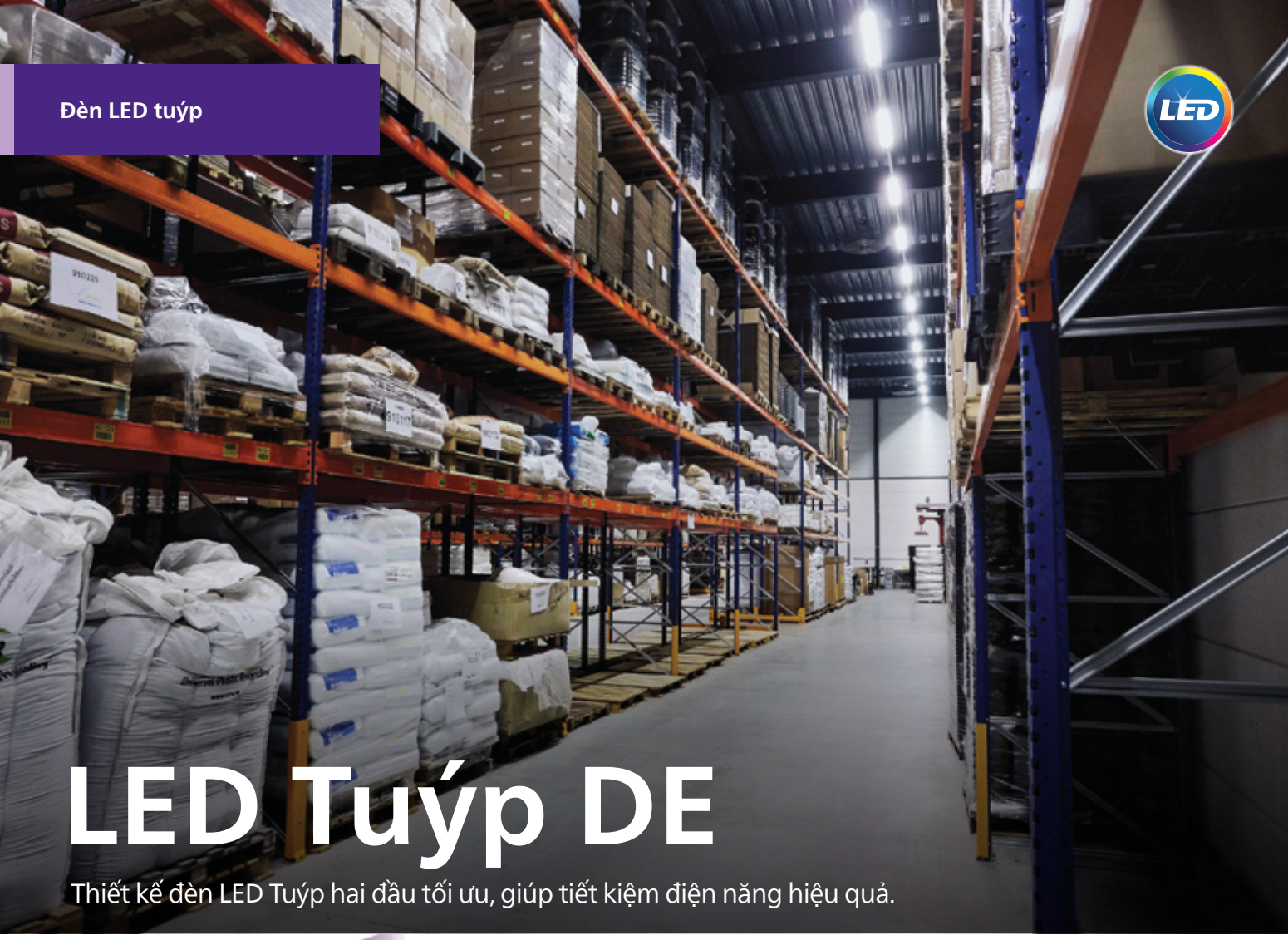
Thiết kế của Philips vừa tương thích với mọi kiểu đi dây (1 đầu và 2 đầu) và an toàn về điện vì không có dòng điện giữa 2 đầu đèn

Phương pháp đấu dây 1 đầu của LED tuýp Philips đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn Quốc tế **IEC** về điện

220-240 V | 15,000 H | CRI 80

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
LEDtube HO 600mm 10W T8 AP I G	600	1050	6500	10	10	**140,000**
LEDtube HO 1200mm 22W T8 AP I G	1200	2300	4000/6500	22	10	**192,000**
LEDtube HO+ 1200mm 25W T8 AP C G	1200	3000	4000/6500	25	10	**201,000**



LED Tuýp DE

Thiết kế đèn LED Tuýp hai đầu tối ưu, giúp tiết kiệm điện năng hiệu quả.



Ưu điểm nổi bật

Sử dụng với máng đèn tuýp thông dụng
Dùng điện trực tiếp, thiết kế đấu điện hai đầu đèn

Tiết kiệm điện đến 55%
So với bóng huỳnh quang thường

Sử dụng dòng điện trực tiếp
Dùng trực tiếp dòng điện 220V-240V

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Trường học | Khách sạn | Khu công nghiệp

220-240 V | 15,000 H | CRI 70

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
LEDtube DE 600mm 9W	600	900	4000/6500	9	20	**114,000**
LEDtube DE 1200mm 18W T8 G13	1200	1800	4000/6500	18	20	**139,000**
LEDtube DE HO 600mm 10W T8 G13 C	600	1050	6500	10	10	**121,000**
LEDtube DE HO 1200mm 22W T8 G13 C	1200	2300	6500	22	10	**175,000**
Ledtube DE HO+ 1200mm 25W T8 G13 C G (CRI 80, MỚI)	1200	3000	4000/6500	25	10	**175,000**



StarBright bán nguyệt

Giải pháp chiếu sáng bằng đèn LED tuýp.



Ưu điểm nổi bật

- **Thiết kế thanh lịch**
- **Dải điện áp rộng 160 - 300 VAC,** sản xuất tại Ấn Độ
- **Tấm phản quang cao cấp cho nguồn sáng rộng và hiệu suất cao**
- **Bảo hành 2 năm**

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Văn phòng

Trường học | Bãi đỗ xe | Khu công nghiệp

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

160-300 V | 15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước bóng (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
StarBright Wide Nxt 20W CDL	600	2000	6500	20	20	**274,000**
StarBright Wide Nxt 40W CDL	1200	4000	6500	40	20	**384,000**

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Đèn LED Dây

Đèn LED Dây là giải pháp chiếu sáng trang trí linh hoạt, cho phép uốn cong, cắt ngắn hoặc nối dài theo nhu cầu sử dụng. Với thiết kế đa năng và hiện đại, sản phẩm dễ dàng ứng dụng trong nhiều không gian nội thất, giúp tạo điểm nhấn thẩm mỹ và nâng cao trải nghiệm ánh sáng.cung cấp các biến thể chiếu sáng hiện đại linh hoạt, có thể uốn cong, cắt và nối tùy theo nhu cầu, phù hợp cho nhiều ứng dụng trong nhà hoặc trên các đồ nội thất gia đình khác nhau.



https://philipslighting.vn





Đèn LED Dây

Giải pháp chiếu sáng linh hoạt, đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng.

DLI320

- Tuổi thọ đèn 20.000 giờ
- Có thể cắt
- Thiết kế linh hoạt và nhỏ gọn
- Lắp đặt và bảo trì dễ dàng



LS161 COB

- Tuổi thọ đèn 20.000 giờ
- Có thể cắt
- CRI 90 Hiển thị màu sắc trung thực
- Với công nghệ Chip-on-Board (COB)



HLS168

- Tuổi thọ đèn 15.000 giờ
- Ánh sáng đồng đều hơn
- Bộ nguồn có bảo vệ nhiều lớp
- Vật liệu phủ silicon trong suốt



HLS188 COB

- Tuổi thọ đèn 15.000 giờ
- Ánh sáng sáng rõ và đồng đều
- Vật liệu phủ silicon trong suốt
- Với công nghệ Chip-on-Board (COB)



Đèn LED Dây

Giải pháp chiếu sáng thẩm mỹ cho mọi góc trong ngôi nhà của bạn



Phòng khách



Nhà bếp



Phòng ngủ



Phòng tắm



Ngoài trời



Giải trí trên TV/PC



Đèn hắt trần



Bậc thang



Ngoài trời



Trang trí tường





DLI 320

Đèn linh hoạt cho mọi nhu cầu chiếu sáng của bạn.



Ưu điểm nổi bật

Dải sản phẩm rộng
Đáp ứng cho nhiều ứng dụng

Công nghệ EyeComfort
Sáng êm dịu, bảo vệ mắt

Độ đồng màu cao
Cho ánh sáng chất lượng

Thiết kế nhỏ gọn, linh hoạt lắp đặt dễ dàng

Tuổi thọ cao
Cho giải pháp chiếu sáng thêm hoàn hảo

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Khách sạn

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất (1 hàng 120 LEDs/m)

20,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước dài (m)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
DLI320 5M 6W/M 24V	5	560/600	2700/4000	6	24V DC	40	455,000
DLI320 5M 8W/M 24V	5	840/900	2700/4000	8	24V DC	40	585,000
DLI320 5M 12W/M 24V	5	1200/1250	2700/4000	12	24V DC	40	650,000



LS161 COB

Kiến tạo không gian sang trọng tại mọi góc của ngôi nhà với ánh sáng đèn LED dây liền mạch.



Ưu điểm nổi bật

Bề mặt hình oval
Giúp ánh sáng phân bổ đồng đều

Kích thước mỏng (11mm)
Dễ uốn nắn tạo hình

Chất liệu PVC chống cháy, chịu được nhiệt độ cao, hạn chế ngả màu theo thời gian

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Khách sạn

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

20,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước dài (m)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
LS161 COB LED8 8.5W 5M 24V	5	720/800	3000/4000	8.5	24V DC	20	**731,000**
LS161 COB LED12 13W 5M 24V	5	1050/1200	3000/4000	13	24V DC	20	**813,000**



HLS168

Giải pháp chiếu sáng đa năng để trang trí cho nhiều không gian rộng lớn trong ngôi nhà của bạn.



Ưu điểm nổi bật

Bề mặt hình oval
Giúp ánh sáng phân bổ đồng đều

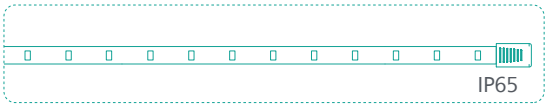
Kích thước mỏng (11mm)
Dễ uốn nắn tạo hình

Chất liệu PVC chống cháy, chịu được nhiệt độ cao, hạn chế ngả màu theo thời gian

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Khách sạn





Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất (1 hàng 120 LEDs/m)

15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước dài (m)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
HLS168 50M 10W/M 120D GM	50	650/700	3000/4000 /6500	10	220-240	1	3,998,000
HLS 120D S-Row Acc Kit GM	Bộ phụ kiện dùng cho LED dây 220V AC HLS168 120LED					20	199,000



HLS188 COB

Mang đến giải pháp chiếu sáng sang trọng cho các không gian rộng lớn.



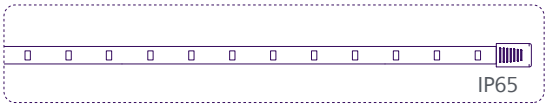
Ưu điểm nổi bật

- Tận hưởng ánh sáng đồng đều, chất lượng cao
- 288 chip LED/M giúp độ sáng đồng nhất từ đầu đến cuối
- Dễ dàng lắp đặt với độ bền cao
- IP65 — LED dây đạt chuẩn IP65 (bộ nguồn IP20)

Ứng dụng

Nhà ở | Cửa hàng | Khách sạn





Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

15,000 H | CRI 80

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước dài (m)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Điện áp (V)	Đóng gói (đèn/thùng)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
HLS188 COB 50M 10W/M GM	50	600/650 /700	3000/4000 /6500	10	220-240	1	4,768,000
HLS188 COB Acc Kit GM	Bộ phụ kiện dùng cho LED dây 220V AC HLS188					20	199,000

PHILIPS

Chiếu sáng dân dụng

Đèn Bàn

Đèn bàn Philips được thiết kế để mang lại trải nghiệm ánh sáng tập trung và dễ chịu, giúp nâng cao hiệu quả học tập, làm việc và đọc sách. Kiểu dáng tinh tế cùng khả năng điều chỉnh linh hoạt phù hợp với mọi nhu cầu sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.



https://philipslighting.vn



Đèn Bàn Einstein Eco

Bảo vệ đôi mắt với nguồn sáng dễ chịu.



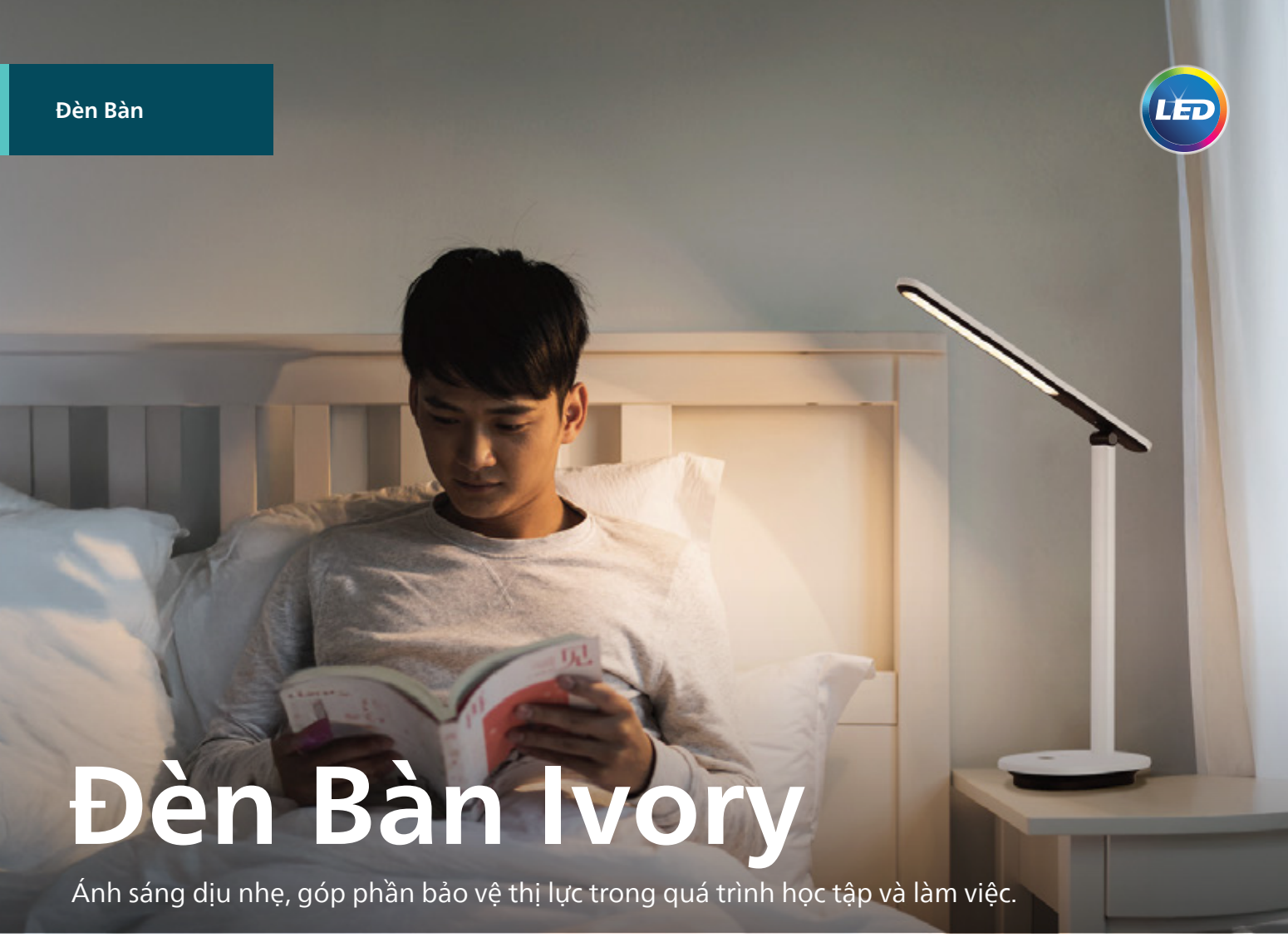
Ưu điểm nổi bật

- Tự động điều chỉnh độ sáng
- Nhắc nhở nghỉ ngơi mỗi 40p
  Chế độ tắt tự động sau 30 giây
- Điều chỉnh độ sáng cảm ứng
- Không ánh sáng xanh
  Tuyệt đối an toàn cho mắt

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

100-240 V | 15,000 H | CRI 95

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
Einstein Eco DSK605 RD 14W 40K WH GM	167 x 238 x 440	750	4000	14	2,099,000



Đèn Bàn Ivory

Ánh sáng dịu nhẹ, góp phần bảo vệ thị lực trong quá trình học tập và làm việc.



Ưu điểm nổi bật

- Sử dụng liên tục trong suốt 6h
- Chế độ tắt tự động sau 30 giây
- 3 chế độ màu tạo bối cảnh khác nhau
- 180⁰ Có thể xoay điều chỉnh 180⁰

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

5V DC | 15,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Giá bán lẻ đề xuất (vnđ)
Ivory DSK203 PT 5W 27-50K W USB 02	353 x 114 x 340	130	2700/3600/5000	5	1,299,000



Đèn Bàn Forys

Bảo vệ đôi mắt của bạn.



Ưu điểm nổi bật

- 3 mức độ điều chỉnh độ sáng
- Giảm chói với thiết kế tổ ong
- Kẹp đèn với thiết kế chắc chắn có thể mở rộng đến 30mm
- Thiết kế dạng kẹp nhỏ gọn - linh động
- Thân đèn mềm mại dễ dàng điều chỉnh góc chiếu tùy ý

Thông số kỹ thuật và giá bán đề xuất

5V DC | 15,000 H | CRI 90

MÔ TẢ SẢN PHẨM	Kích thước đèn (mm)	Quang thông (lm)	Nhiệt độ màu (K)	Công suất (watt)	Giá bán lẻ đề xuất (vnd)
Forys Clip DSK206 5W 40K W USB	88 x 203 x 362	200	4000	5	839,000



Philips Lighting Vietnam Signify www.signify.com/vi-vn Signify (Philips Lighting)

© 2026 Signify Holding. All rights reserved.

Thông tin trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Signify không đưa ra bất kỳ cam kết hoặc bảo đảm nào về tính chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật của các thông tin được cung cấp trong tài liệu này, và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ quyết định hoặc hành động nào được thực hiện dựa trên các thông tin đó.

Các thông tin trong tài liệu này không được xem là một đề nghị thương mại và không cấu thành một phần của bất kỳ báo giá hoặc hợp đồng nào, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản từ Signify.

Philips và Biểu tượng Philips Shield là các thương hiệu đã đăng ký của Koninklijke Philips N.V. Tất cả các thương hiệu khác thuộc quyền sở hữu của Signify Holding hoặc các chủ sở hữu tương ứng.